

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 68/2024/PHS-PL

V/v: CBTT Báo cáo thường niên năm 2023

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG
KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

- Kính gửi:
- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
 - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM;
 - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (“PHS”)

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84 28) 5413 5479

Fax: (+84 28) 5413 5472

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Chen Chia Ken

Loại công bố thông tin: 24h 72h Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

Căn cứ quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, PHS trân trọng công bố Báo cáo thường niên năm 2023 (chi tiết vui lòng tham khảo tài liệu đính kèm).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của PHS tại: <https://www.phs.vn>, phần Quan Hệ Cổ Đông, mục Báo cáo Thường niên.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2023

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu Ban thư ký.



Ông CHEN CHIA KEN

CHUYỂN ĐỔI SỐ NÂNG TẦM GIÁ TRỊ

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2023



MỤC LỤC

02

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	022
Tổ chức và Nhân sự	024
Tình hình đầu tư & tình hình thực hiện các dự án	026
Tình hình tài chính	026
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	029
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	030

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	010
Ngành nghề và Địa điểm kinh doanh	014
Thông tin về mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	016
Định hướng phát triển	018
Các rủi ro	019

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động SX kinh doanh	034
Tình hình tài chính	036
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý	038
Kế hoạch phát triển trong tương lai	039
Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	045
Báo cáo đánh giá trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	045

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt
hoạt động của công ty 048

Đánh giá của HĐQT về hoạt động
của Ban giám đốc công ty 051

Các kế hoạch, định hướng của
hội đồng quản trị 051

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị 054

Ban kiểm soát 059

Các giao dịch, thù lao và các khoản
lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và
Ban kiểm soát 061

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán 068

Báo cáo tài chính được kiểm toán 069

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông,

Một năm 2023 “tương đối khó khăn” đã khép lại phía sau cánh cửa và tôi tin rằng nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng đã có nhiều tổn thương cũng như nhiều bài học sâu sắc để hướng tới một năm 2024 trọn vẹn hơn. Suy thoái kinh tế toàn cầu đi kèm với những căng thẳng địa chính trị từ Nga - Ucraina, dải Gaza đã bổ sung thêm một “nốt trầm” vào tình hình tài chính, hàng hóa, năng lượng thực phẩm không mấy khả quan của thế giới. Bên cạnh đó, cuộc khủng hoảng ngân hàng tại Mỹ, khủng hoảng nợ toàn cầu (tỷ trọng so với GDP của nợ toàn cầu đã lên tới 336%), sự ảm đạm tri trệ của nền kinh tế châu Âu hay đáng thất vọng nhất là sự phục hồi của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới là Trung Quốc đã khiến cho sự lạc quan về hồi phục kinh tế mất dần so với những dự đoán từ đầu năm 2023.



Mặc dù vậy, trong gian nan và thách thức luôn có điểm sáng và thời cơ sẽ đến tại những nơi có “nội tại” bền vững. Ví dụ như nền kinh tế Mỹ đã vững vàng một cách đáng ngạc nhiên khi trải qua một năm 2023 đầy biến động, công nghệ của trí tuệ nhân tạo mà cụ thể là AI tạo sinh (generative AI) đã đạt đến độ phủ sóng toàn cầu khi mà người người nhà nhà đều quen thuộc và bắt đầu có xu hướng tận dụng lợi thế của công nghệ này để đưa vào các hoạt động thường ngày. Nền kinh tế Việt Nam cũng vậy, đứng trước khó khăn vẫn kiên cường vượt các cơn gió ngược và giữ vững vị thế “điểm sáng” của kinh tế toàn cầu. GDP ước đạt 5.05% so với 2023 dưới

những nỗ lực và đóng góp nổi bật của lĩnh vực dịch vụ, công nghiệp và xây dựng. Việt Nam còn là điểm đến lý tưởng của dòng vốn FDI (vốn FDI thực hiện tại VN đạt 23,2 tỷ USD, tăng 3,5% so với năm trước nhưng về quy mô thì là năm có đạt quy mô vốn FDI thực hiện cao nhất từ trước đến nay) và dựa vào đó nền kinh tế Việt Nam minh chứng cho thế giới thấy sự ổn định xuất phát từ chính sách đúng đắn của nhà nước trong việc thúc đẩy kinh tế, kiểm soát lạm phát, tập trung vào hoạt động phát triển hạ tầng giao thông, mở rộng kết nối vùng, liên vùng để nền kinh tế được vận hành “không khoảng cách”.

Tại Chứng khoán Phú Hưng (PHS), chúng tôi cũng không ngồi yên trước sóng gió, nhận định “thách thức” là cơ hội để thực hiện các hoạt động chuyển mình, nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng, nâng cao trải nghiệm dịch vụ và cải tiến công nghệ. Chúng tôi hiểu rằng, mỗi khách hàng đến và ở lại đều xứng đáng được trải nghiệm các tiện ích giao dịch chất lượng cao hơn nữa. Cách tiếp cận này là động lực để tất cả các khối kinh doanh, khối dịch vụ, khối hỗ trợ của PHS phải không ngừng hoàn thiện và hướng về một mục tiêu chung, giúp PHS lần đầu tiên lọt vào Top 6 thị phần Môi giới Phái sinh năm 2023 - một thành tích đáng tự hào và minh chứng cho những bước tiến của PHS để dẫn hướng tới những thị phần cao hơn về cả mảng môi giới phái sinh và môi giới cổ phiếu trong năm 2024.

Nhìn về tương lai, chúng tôi dự đoán rằng năm 2024 sẽ là một năm tràn đầy hy vọng đối với nền kinh tế Việt Nam bởi chúng ta đã vượt qua khó khăn với một “nội tại ổn định và bền vững”. Cùng với những lạc quan về nền kinh tế, sự tin tưởng vào những cải tiến hệ thống mới của thị trường, tầm nhìn của PHS đến hết 2024 là tiếp tục số hóa các sản phẩm và dịch vụ, cải thiện hệ thống giao dịch, ra mắt một số sản phẩm công nghệ mang tính “đặc trưng” của PHS để các nhà đầu tư được trải nghiệm công nghệ mới, những tính năng ưu việt và hiện đại. Đồng thời củng cố vị thế của PHS tại thị trường Việt Nam và mang đến sự an tâm cho các cổ đông và nhà đầu tư khi giao dịch tại PHS.

Cuối cùng, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn tới các cổ đông vì sự ủng hộ và tin tưởng vững chắc đối với PHS, cũng như Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể nhân viên của chúng tôi vì sự cam kết và làm việc chăm chỉ của họ. Chúng tôi xin hứa sẽ tiếp tục phấn đấu học hỏi và hoàn thiện bản thân, đồng thời cùng mọi người hướng tới mục tiêu “Thịnh Vượng Trường Tôn – Vươn Tầm Quốc Tế”.

Kính thư,

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG ALBERT KWANG-CHIN TING



CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2022

Đơn vị: triệu đồng, trừ khi được ghi chú khác	2022	Thay đổi 2022/2021	2023	Thay đổi 2023/2022
KẾT QUẢ KINH DOANH				
Doanh thu	594,656	16.7%	600,268	0.9%
Môi giới	188,307	-16.4%	150,678	-20.0%
Đầu tư	1,934	-80.6%	14,328	641.0%
Tư vấn	558	21.1%	-	-100.0%
Khác	403,856	47.4%	435,261	7.8%
Chi phí	520,973	56.4%	544,068	4.4%
Lợi nhuận trước thuế	73,683	-58.2%	56,199	-23.7%
Lợi nhuận sau thuế	59,979	-57.4%	44,551	-25.7%
ROE	0.04	(0.08)	0.03	(0.01)
ROA	0.01	(0.03)	0.01	-
TÀI SẢN				
Tổng tài sản	3,676,224	-22.9%	4,040,738	9.9%
Vốn điều lệ	1,500,098	7.1%	1,500,098	0.0%
Vốn chủ sở hữu	1,597,444	-0.4%	1,611,993	0.9%
Tỷ lệ đòn bẩy gộp (x)	2.30		2.51	
Tỷ lệ nợ / Vốn chủ sở hữu (x)	1.30		1.51	
Tỷ lệ an toàn vốn	449%			
CHỈ SỐ TÍNH THEO MỖI CỔ PHIẾU				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	400	-67%	297	-26%
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	150,009,329	31%	150,009,329	0%
Cổ tức / cổ phần (đồng)	-		-	

**HÀNH TRÌNH 17 NĂM
TIẾN BƯỚC VƯƠN XA
2006 - 2023**



THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

❖ **Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HUNG (“PHS”)**

❖ **Giấy phép kinh doanh số:**

Giấy phép thành lập và hoạt động số 122/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 20/01/2016.

Giấy phép điều chỉnh 48/GPĐC-UBCK ngày 24/06/2021 thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

❖ **Vốn điều lệ** 1,500,098,190,000 đồng

❖ **Vốn đầu tư của chủ sở hữu** 1.611.992.546.411 đồng

❖ **Địa chỉ** Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam

❖ **Số điện thoại** (84 28) 5413 5479

❖ **Số fax** (84 28) 5413 5472

❖ **Website** www.phs.vn

❖ **Email** support@phs.vn

❖ **Mã cổ phiếu** PHS



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

15/11/2006: Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ ban đầu là 22.680.000.000 đồng

01/12/2006: UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán với ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán

14/12/2006: Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

18/12/2006: Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

29/12/2006: Tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng

05/09/2008: Tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng

10/11/2008: Chuyển Trụ sở chính chuyển về Tầng 5, Tòa nhà Lawrence S. Ting, Số 801 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

23/01/2009: Đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

28/04/2009: Tăng vốn điều lệ lên 135.000.000.000 đồng

12/01/2010: Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng

13/11/2012: Tăng vốn điều lệ lên 347.450.000.000 đồng

18/03/2014: Trở thành một thành viên Trái phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

19/11/2015: Chấp thuận Hợp Nhất giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành

20/01/2016: Nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động CTCP Chứng khoán Phú Hưng sau Hợp Nhất số 122/GP-UBCK. Vốn điều lệ 202.585.070.000 đồng

29/06/2016: Chuyển Trụ sở chính về Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

25/07/2016: Tăng vốn điều lệ lên 320.000.000.000 đồng

23/01/2017: UBCKNN chấp thuận để thực hiện thêm nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán

11/01/2018: Tăng vốn điều lệ lên 500.000.000.000 đồng

27/04/2018: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội công nhận tư cách thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ

26/12/2018: Tăng vốn điều lệ lên 700.000.000.000 đồng

19/07/2019: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của PHS trên thị trường UpCoM

31/07/2019: Cổ phiếu PHS lần đầu tiên được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM

04/03/2020: Tăng vốn điều lệ lên 900.000.000.000 đồng

16/06/2020: UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán Phái Sinh

24/06/2021: Chuyển Trụ sở chính về Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

28/09/2021: Tăng vốn điều lệ lên 1.400.000.000.000 đồng

31/12/2021: UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 57/GCN-UBCK ngày 31/12/2021

29/04/2022: Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

29/08/2022: Tăng vốn điều lệ lên 1.500.098.190.000 đồng

22/11/2022: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

27/02/2023: Chứng quyền có bảo đảm của PHS lần đầu tiên được đưa vào giao dịch

05/12/2023: Trở thành thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Các sự kiện khác:

16/12/2016: PHS được UBCK tặng bằng khen thưởng thành tích 10 năm hoạt động cho tập thể và các cá nhân thuộc công ty.

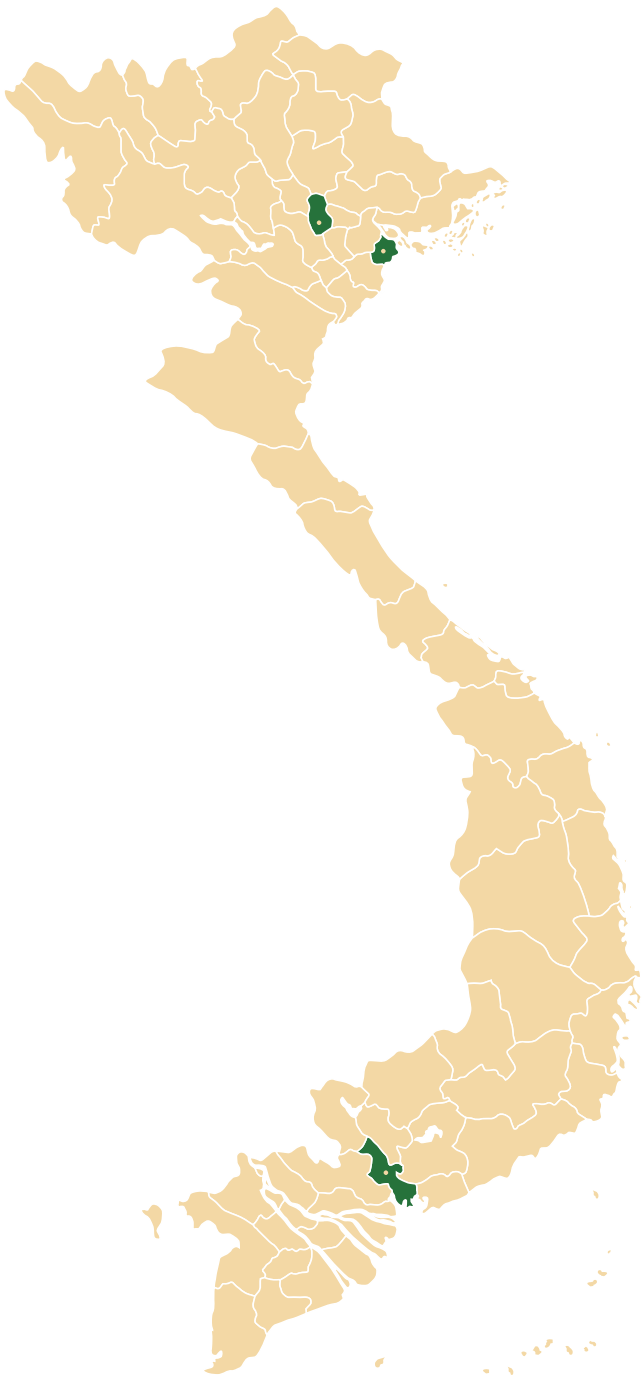
12/2016: PHS được các cơ quan chức năng tặng cờ Truyền thống, giấy khen thưởng và thư cảm ơn vì thành tích 10 năm hoạt động cho tập thể và các cá nhân thuộc công ty.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



✦ Tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng

Tầng trệt, CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (84 28) 5413 5478 Fax: (84 28) 5413 5473

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Số 81-83-83B-85 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (84 28) 3535 6060 Fax: (84 28) 3535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 & 5, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (84 28) 3820 8068 Fax: (84 28) 3820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Pegend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84 28) 3813 2401 Fax: (84 28) 3813 2415

✦ Các tỉnh/thành phố khác:

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, tòa nhà Vinafor, số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (84 24) 3933 4566 Fax: (84 24) 3933 4820

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (84 24) 6250 9999 Fax: (84 24) 6250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

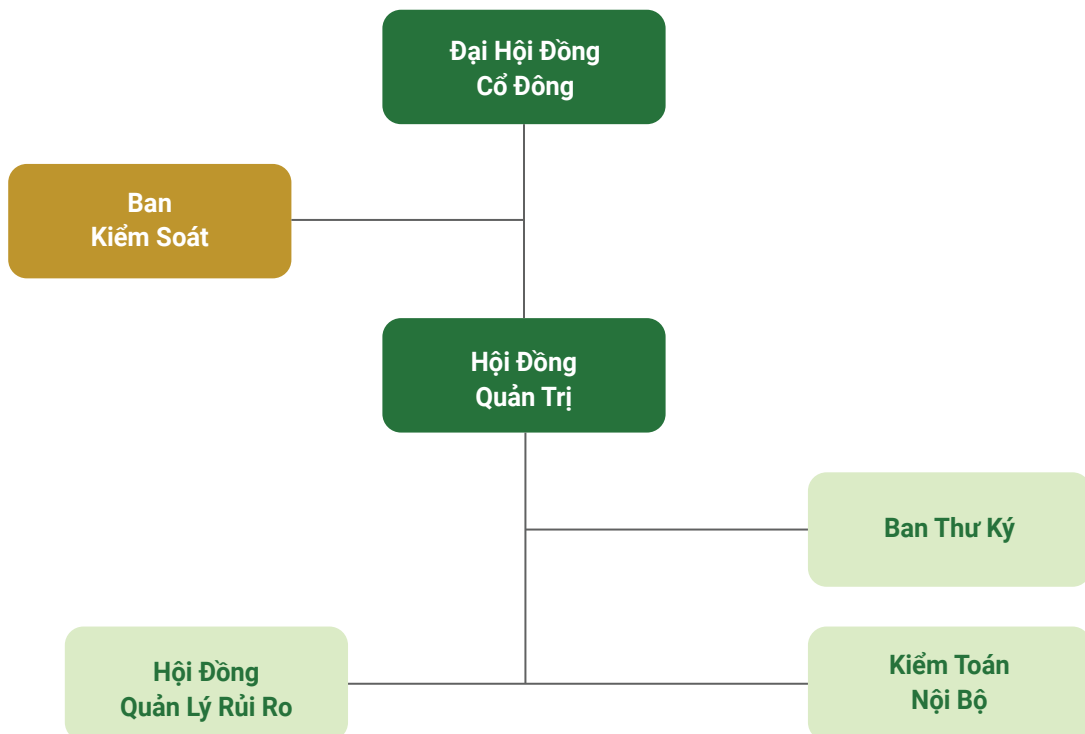
Tầng 2, Tòa nhà số 18 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

ĐT: (84 225) 384 1810 Fax: (84 225) 384 1801

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Đại Hội Đồng Cổ Đông (“ĐHĐCĐ”) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty. ĐHCĐ bầu ra Ban Kiểm Soát và Hội Đồng Quản Trị (“HĐQT”) để giúp các cổ đông quản lý công ty. Ban Kiểm Soát thực hiện giám sát HĐQT và Ban Tổng Giám đốc (“Ban TGD”) trong việc quản lý và điều hành công ty. HĐQT quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Kiểm Toán Nội Bộ và Hội Đồng Quản Lý Rủi Ro trực thuộc HĐQT, Ban Thư Ký Công Ty phụ trách các công việc hành chính hỗ trợ HĐQT.



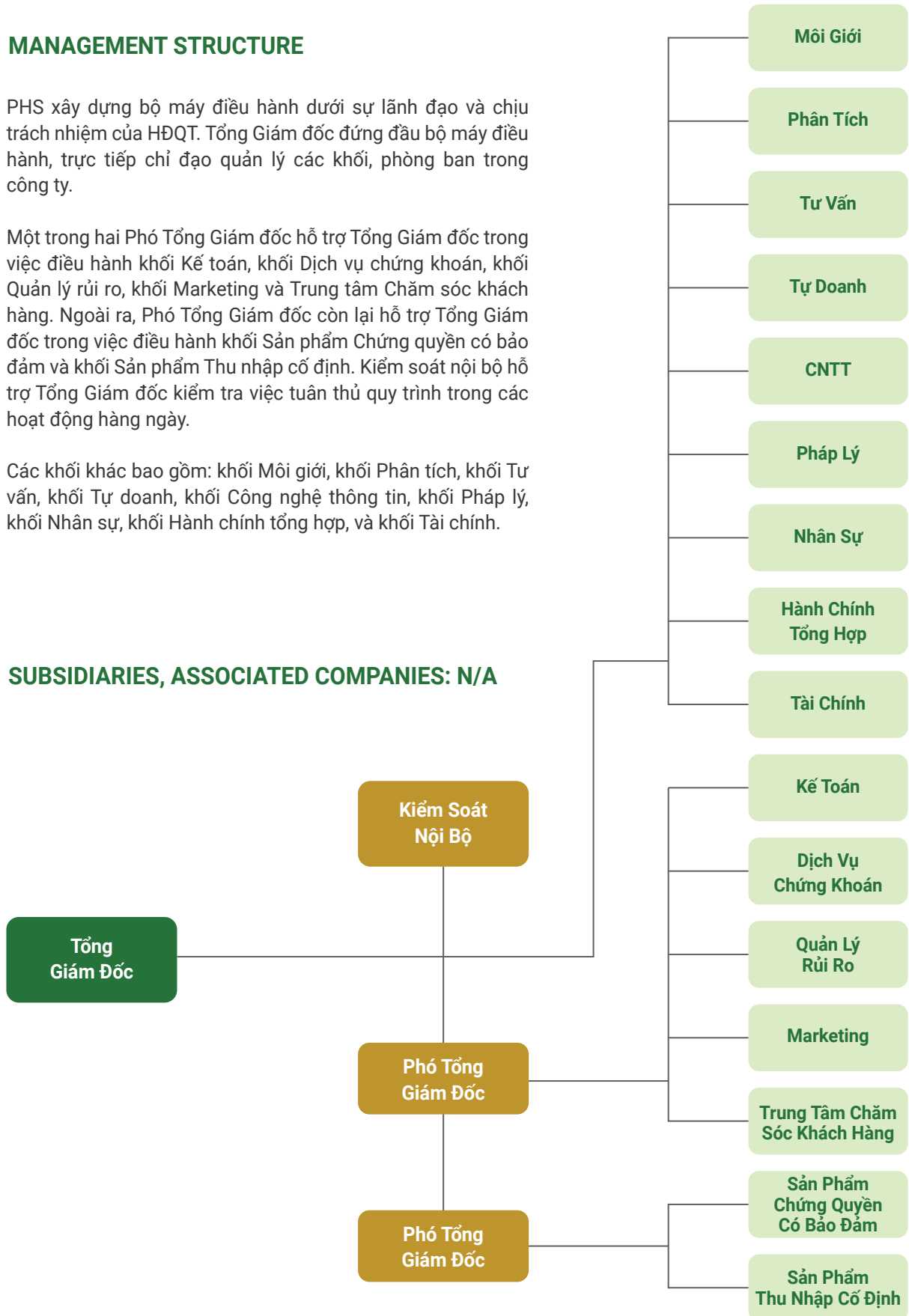
MANAGEMENT STRUCTURE

PHS xây dựng bộ máy điều hành dưới sự lãnh đạo và chịu trách nhiệm của HĐQT. Tổng Giám đốc đứng đầu bộ máy điều hành, trực tiếp chỉ đạo quản lý các khối, phòng ban trong công ty.

Một trong hai Phó Tổng Giám đốc hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc điều hành khối Kế toán, khối Dịch vụ chứng khoán, khối Quản lý rủi ro, khối Marketing và Trung tâm Chăm sóc khách hàng. Ngoài ra, Phó Tổng Giám đốc còn lại hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc điều hành khối Sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm và khối Sản phẩm Thu nhập cố định. Kiểm soát nội bộ hỗ trợ Tổng Giám đốc kiểm tra việc tuân thủ quy trình trong các hoạt động hàng ngày.

Các khối khác bao gồm: khối Môi giới, khối Phân tích, khối Tư vấn, khối Tự doanh, khối Công nghệ thông tin, khối Pháp lý, khối Nhân sự, khối Hành chính tổng hợp, và khối Tài chính.

SUBSIDIARIES, ASSOCIATED COMPANIES: N/A



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU 2024

PHS luôn đặt ra mục tiêu là định chế tài chính hàng đầu tại thị trường Việt Nam với nguyên tắc tôn trọng khách hàng, lấy sự thành công của khách hàng đặt lên hàng đầu. Kiên định với mục tiêu nhưng chiến lược hoạt động được điều chỉnh linh hoạt, nhạy bén theo từng giai đoạn và bối cảnh thị trường đã giúp PHS vượt qua nhiều thăng trầm của Thị trường Chứng khoán (“TTCK”), tiếp tục khẳng định vị thế của mình. Công ty xác định 3 yếu tố tạo nên thành công của một chiến lược phát triển bền vững chính là: chất lượng dịch vụ, sự đổi mới và phát triển sản phẩm.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Với những dự báo kinh tế vĩ mô dự báo duy trì tính tích cực, thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2024 có thể ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ và tiếp tục thu hút dòng vốn ngoại chảy vào thị trường. Trước những cơ hội và thách thức đến từ bối cảnh kinh doanh, các giải pháp cho từng hoạt động kinh doanh tại PHS đã được xác lập cụ thể dựa trên mục tiêu chiến lược trung – dài hạn và tập trung vào các yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững. Tăng trưởng bền vững luôn là lựa chọn của PHS để có thể tồn tại và vững bước đồng hành cùng sự phát triển của thị trường.

Khả năng thích ứng, đổi mới và tăng trưởng bền vững của PHS được thể hiện rõ ràng trong các sáng kiến chiến lược của công ty. Bằng cách đầu tư chiến lược vào cơ sở hạ tầng, tăng cường cung cấp dịch vụ, giới thiệu sản phẩm mới và thúc đẩy đổi mới, PHS đặt mục tiêu khẳng định vị thế của mình để thành công và đóng góp tích cực vào sự phát triển thị trường.

Đầu tư vào cơ sở hạ tầng cho phép PHS nâng cao năng lực công nghệ, đảm bảo hoạt động hiệu quả và đáng tin cậy. Cải thiện việc cung cấp dịch vụ sẽ nâng cao trải nghiệm tổng thể của khách hàng, thúc đẩy lòng trung thành và thu hút khách hàng mới. Việc giới thiệu các sản phẩm mới và giải pháp đổi mới cho phép PHS duy trì khả năng cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường. Hơn nữa, sự nhấn mạnh của PHS về tính bền vững, trách nhiệm với môi trường và xã hội. Bằng cách tích hợp các hoạt động bền vững vào hoạt động của mình, PHS không chỉ giảm thiểu rủi ro mà còn nâng cao thương hiệu của mình là một tổ chức có trách nhiệm với xã hội.

CÁC RỦI RO

- ❖ Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi.
- ❖ Rủi ro thanh toán là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết.
- ❖ Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi PHS không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường.
- ❖ Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.
- ❖ Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.
- ❖ Rủi ro môi trường và thiên tai là rủi ro về các biến đổi về môi trường như lụt lội, cơn bão, động đất có thể gây ra các nguy cơ về mất mát vật chất và nguy cơ ngưng hoạt động của các PHS và những công ty mà PHS đang đầu tư hoặc hỗ trợ.
- ❖ Rủi ro về dịch bệnh là rủi ro như dịch bệnh như COVID-19 có thể gây ra những tác động kinh tế và tài chính đáng kể, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của PHS được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà PHS có thể gặp phải, từ đó đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của PHS. Thông qua các chuẩn mực, quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng; trong đó, tất cả các nhân viên đều hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.



**HÀNH TRÌNH 17 NĂM
TIẾN BƯỚC VƯƠN XA
2006 - 2023**



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2023 chứng kiến sự biến động đặc biệt trên thị trường chứng khoán Việt Nam, tạo nên một hành trình đầy cảm xúc cho những nhà đầu tư. Trải qua những thách thức trong quý cuối năm 2022, tâm lý nhà đầu tư có vẻ ổn định hơn, mặc dù vẫn tồn tại sự hoài nghi đối với triển vọng tương lai trong những tháng đầu năm 2023. Trong giai đoạn đầu của năm, VN-Index duy trì mức biên độ từ 1.043 điểm đến 1.111 điểm, với thanh khoản trung bình ngày giảm xuống khoảng hơn 11 nghìn tỷ đồng, giảm 20% so với quý cuối năm 2022. Tuy nhiên, từ tháng 06 năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam bắt đầu chứng kiến sự phục hồi tích cực.

Triển vọng lạc quan từ các vấn đề thế giới và chính sách tích cực của Chính phủ hỗ trợ doanh nghiệp cùng với chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà

nước đã thúc đẩy thị trường chứng khoán Việt Nam vào một đợt tăng trưởng ngắn hạn. VN-Index đã tăng mạnh và đạt điểm cao nhất trong năm tại 1.245,5 điểm vào ngày 06 tháng 09 năm 2023, tăng khoảng 23.6% so với cuối năm 2022. Sự cải thiện rõ ràng không chỉ trong chỉ số VN-Index mà còn trong thanh khoản thị trường. Thanh khoản bình quân ngày của toàn thị trường đã tăng lên hơn 23 nghìn tỷ đồng, gấp đôi so với giai đoạn trước đó của năm 2023. Điều này phản ánh sự tái tạo niềm tin của nhà đầu tư và sự quay lại tích cực của dòng vốn vào thị trường. Trong năm 2023, Chính phủ cũng đã có nhiều động thái chủ động thúc đẩy sự thăng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam và kết hợp với những tín hiệu tích cực từ kinh tế thế giới, làm tăng lên kỳ vọng tích cực cho thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2024.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong những năm gần nhất, lợi nhuận hoạt động của công ty có xu hướng ổn định. Trong năm 2023, kết quả lợi nhuận hoạt động đạt khoảng 56,2 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của PHS đã đạt được kết quả khả quan với khoảng 44,6 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm 2022 do sự biến động của thị trường.



CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH

a) Hoạt động môi giới chứng khoán

Năm 2023, Công ty đã phải đối mặt với những thách thức lớn trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường chứng khoán Việt Nam. Thanh khoản toàn thị trường chứng khoán giảm khoảng 15% so với cả năm 2022 và đã tác động đến giá trị giao dịch của Công ty, doanh thu môi giới chứng khoán cũng ghi nhận mức sụt giảm so với cùng kỳ năm trước, chỉ đạt khoảng hơn 150.6 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty đã thực hiện các biện pháp quản lý chi phí một cách hiệu quả, với mảng môi giới giảm chi phí xuống 10.6%. Bên cạnh đó, nghiệp vụ môi giới hợp đồng tương lai chứng khoán phái sinh đã trở thành một điểm sáng nổi bật của PHS trong năm 2023 khi Công ty đạt hạng 6 thị phần môi giới phái sinh trên HNX với 2.66%, tăng trưởng ấn tượng hơn 52% so với cuối năm 2022.

Trong khi doanh thu môi giới giảm, nghiệp vụ cho vay ký quỹ vẫn duy trì được thành tích ổn định và tương tự như năm trước, đạt 314.2 tỷ đồng. Điều này có thể là một yếu tố tích cực, chứng tỏ Công ty có sự ổn định trong các nghiệp vụ hỗ trợ tài chính, giúp bảo vệ doanh thu và giữ vững mức lợi nhuận. Có thể thấy, nhờ vào các chính sách linh hoạt trong việc phát triển khách hàng, Công ty đã chiếm được vị trí trong top 8 thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ vào quý ba 2023. Điều này không chỉ thể hiện nỗ lực của Công ty trong việc duy trì và mở rộng mạng lưới khách hàng mà còn cho thấy khả năng thích ứng và tận dụng cơ hội trong bối cảnh thị trường đang biến động.

b) Hoạt động tự doanh

Cùng với sự hồi phục của thị trường chứng khoán Việt Nam, danh mục Tự doanh đã ghi nhận mức tăng 6,1% trong năm 2023. Với việc phối hợp chặt chẽ hơn với khối Phân tích trong hoạt động đầu tư, khối Tự doanh sẽ nhận được nhiều hỗ trợ chuyên nghiệp hơn trong năm 2024. Chúng tôi tin rằng với sự quan sát toàn diện và kịp thời về mặt phân tích cơ bản và kỹ thuật, khối Tự doanh sẽ tìm kiếm được các cơ hội đầu tư có giá trị hơn, cũng như hiệu suất đầu tư cao hơn trong tương lai.

c) Hoạt động tư vấn và phân tích

Nhằm mục đích đóng góp cho trao đổi kinh nghiệm trên TTCK Việt Nam và nước ngoài, góp phần giúp cho các nhà đầu tư nước ngoài hiểu thêm về TTCK Việt Nam, PHS cung cấp hệ thống giao dịch, dịch vụ tư vấn và toàn bộ báo cáo nghiên cứu, bao gồm báo cáo ngày, báo cáo tuần, báo cáo tháng, báo cáo phân tích chứng khoán cá nhân, báo cáo ngành và báo cáo phân tích kinh tế vĩ mô bằng ba ngôn ngữ: tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Trung. Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ không còn bị rào cản ngôn ngữ và có nhiều cơ hội hơn để tham gia vào sự phát triển kinh tế Việt Nam. Ngoài ra, các dịch vụ tư vấn liên quan đến niêm yết, phát hành, cổ phần hóa, mua bán và sáp nhập cũng như các dịch vụ tư vấn bảo lãnh phát hành có thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách hàng tổ chức.

HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC CHI NHÁNH

Năm 2023, PHS không thay đổi số lượng chi nhánh và phòng giao dịch, vẫn giữ tổng cộng 7 chi nhánh và phòng giao dịch. Nhưng nâng cao chất lượng nhân sự thông qua việc tuyển dụng cũng như đào tạo. Kết quả hoạt động kinh doanh của các chi nhánh và phòng giao dịch đã mang lại hiệu quả cao, từng bước khẳng định sự phát triển bền vững.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Chen Chia Ken

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971

Trình độ: Thạc sĩ

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

Bà Phạm Thị Thu Nhân

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1984

Trình độ: Thạc sĩ

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

Bà Đỗ Thị Ái Vy

Chức vụ: Kế toán trưởng

Năm sinh: 1986

Trình độ: Cử nhân

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

SỐ LƯỢNG, CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2023

382 Người

Tổng chi phí cho người lao động (tiền lương)

117,165,276,358 Đồng

(một trăm mười bảy tỷ một trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn ba trăm năm mươi tám đồng)

Thu nhập bình quân

25,559,615 Đồng/ người/ tháng

(hai mươi lăm triệu năm trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm mười lăm đồng)

PHS thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và các quy chế, chính sách của công ty đối với người lao động. Các chính sách: tiền lương, tiền thưởng, khen thưởng, kỷ luật, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, BHXH, ốm đau, thai sản, chăm sóc sức khỏe, an toàn vệ sinh lao động, bổ nhiệm, tuyển dụng, đào tạo. PHS sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi nhằm động viên khuyến khích người lao động tăng cường hiệu quả công việc, gắn bó với doanh nghiệp.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN: KHÔNG CÓ
CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: KHÔNG CÓ

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	3.676.223.540.195	4.040.738.369.898	9,9%
Doanh thu thuần	593.848.771.820	599.799.512.180	1,0%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	72.936.565.655	56.359.359.351	(22,7%)
Lợi nhuận khác	746.308.144	(160.118.391)	(121,5%)
Lợi nhuận trước thuế	73.682.873.799	56.199.240.960	(23,7%)
Lợi nhuận sau thuế	59.979.201.559	44.550.793.002	(25,7%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	N/A	N/A	N/A

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.73	1.63	
- Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	1.73	1.63	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản			
	0.57	0.60	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
	1.30	1.51	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	0.14	0.16	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu			
	0.10	0.07	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			
	0.04	0.03	
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			
	0.02	0.01	
	0.12	0.09	

ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH PHI NGÂN HÀNG

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Quy mô vốn			
- Vốn điều lệ	1,500,098,190,000	1,500,098,190,000	
- Tổng tài sản có	3,676,223,540,195	4,040,738,369,898	
- Tỷ lệ an toàn vốn	449%	518%	
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
- Doanh số huy động tiền gửi			
- Doanh số cho vay	53,319,143,845,883	41,663,374,019,454	
- Doanh số thu nợ	54,865,600,091,258	40,703,092,073,495	
- Nợ quá hạn	66,021,711,273	65,599,871,917	
- Nợ khó đòi	20,614,534,412	37,445,198,459	
Hệ số sử dụng vốn	2.7	2.7	
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/ Tổng số dư bảo lãnh			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	0.03	0.02	
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	0.01	0.01	
3. Khả năng thanh khoản			
- Khả năng thanh toán ngay Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.73	1.63	
- Khả năng thanh toán chung Tài sản ngắn hạn / Nợ phải trả	1.73	1.63	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần đến 31/12/2023 là 150.009.819 cổ phiếu.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là 101.059.819 cổ phiếu.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là 48.950.000 cổ phiếu.

Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên) có 3 cổ đông.

Cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%) có 361 cổ đông.

Cổ đông là tổ chức có 14 cổ đông.

Cổ đông là cá nhân có 350 cổ đông.

Cổ đông trong nước có 338 cổ đông.

Cổ đông nước ngoài có 26 cổ đông.

Cổ đông Nhà nước không có.

Cổ đông khác có 1 cổ đông – PHS (cổ phiếu quỹ).

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Ngày 03/07/2023, PHS chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 2%/ cổ phiếu.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 490 cổ phiếu. Trong năm 2023, PHS không giao dịch cổ phiếu quỹ.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Năm 2023, PHS không phát hành chứng khoán.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU:

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG:

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

TIÊU THỤ NƯỚC:

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2023: 382 người.

Tổng chi phí cho người lao động (tiền lương): khoảng 117.165.276.358 đồng (một trăm mười bảy tỷ một trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn ba trăm năm mươi tám đồng).

Thu nhập bình quân: khoảng 25.559.615 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm mười lăm đồng)/ người/ tháng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Tổng chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2023: 498.080.560 đồng (bốn trăm chín mươi tám triệu không trăm tám mươi ngàn năm trăm sáu mươi đồng).

Tổng chi phí bảo hiểm sức khỏe tự nguyện cho cấp giám sát trở lên và nhân viên có thâm niên từ đủ 1 năm trong năm 2023: 593.145.244 đồng (năm trăm chín mươi ba triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm bốn mươi bốn đồng).

Tổng chi phí bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động năm 2023: 7.843.500 đồng (bảy triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm đồng).

Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2023: khoảng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/ người.

Hoạt động đào tạo người lao động

Năm 2023, PHS cử nhân viên đến trường Asia School of Business, do ngân hàng Negara Malaysia và trường MIT Sloan School of Management (Mỹ) thành lập, để bằng MBA, nhằm nâng cao năng lực và đổi mới phương pháp quản lý.

PHS cũng hợp tác với Đại học Fulbright Việt Nam, cử nhân viên tham gia chương trình đào tạo của trường, nhằm nâng cao kỹ năng xử lý công việc và phát triển quản lý cá nhân.

Tiếp tục thúc đẩy sự phát triển của nhân viên thông qua hệ thống đào tạo trực tuyến CLS. Những cải tiến và áp dụng hệ thống CLS được áp dụng trong năm 2023 gồm:

- Định hướng các khóa học theo chức năng phòng ban và theo từng giai đoạn.
- Tạo thư viện các khóa học để hỗ trợ nhân viên có thể bổ

sung kiến thức mục lúc mọi nơi.

- Thống kê báo cáo các khóa đào tạo bao gồm bài kiểm tra sau đào tạo, bảng khảo sát.
- Phát triển thêm video các khóa học trên nền tảng e-learning.

Ngoài trình độ chuyên môn, PHS ưu tiên trau dồi các kỹ năng mềm quan trọng để tư vấn công việc hiệu quả. Trong suốt năm 2023, công ty tổ chức nhiều chương trình đào tạo được thiết kế để trau dồi những kỹ năng này, bao gồm:

- Tiếp tục chương trình chứng chỉ hành nghề chứng khoán.
- Thực hiện chương trình đào tạo quản lý dữ liệu.
- Chương trình đào tạo kỹ năng lãnh đạo theo tình huống.

Các chương trình đào tạo kỹ năng mềm thuộc chương trình phát triển nghề nghiệp nhân viên gồm:

- Chương trình kỹ năng giao tiếp.
- Chương trình kỹ năng đàm phán thương lượng.
- Chương trình thiết lập mục tiêu.
- Chương trình tập trung vào khách hàng.
- Chương trình phát triển nhân tài.
- Chương trình kết nối đội nhóm.
- Chương trình kỹ năng quản lý thời gian.

Ngoài ra còn có những chương trình đào tạo trực tuyến nhằm bổ sung kiến thức nghiệp vụ cho nhân viên môi giới, được đào tạo từ những chuyên gia giàu kinh nghiệm trực thuộc khối/phòng ban nghiệp vụ.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty cam kết đầu tư vào cộng đồng và các hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm cung cấp hỗ trợ tài chính cho các dịch vụ cộng đồng.

Công ty đã tài trợ và cử nhân viên đại diện tham gia chương trình đi bộ từ thiện Lawrence S.Ting được tổ chức hàng năm do Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng phối hợp cùng UBND Quận 7, Quận 8, Huyện Bình Chánh, Huyện Nhà Bè tổ chức từ năm 2006, với mục đích hỗ trợ đồng bào nghèo mỗi dịp Xuân về.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCK: KHÔNG CÓ



Bên cạnh tham gia các hoạt động phong trào thiện nguyện tại địa phương, công ty vẫn luôn cố gắng không ngừng tạo ra môi trường làm việc năng động, trẻ trung để giúp các bạn sinh viên trải nghiệm, thực tập và làm việc thực tế tại doanh nghiệp cũng như tìm hiểu thêm về thị trường tài chính, chứng khoán khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường nhằm góp phần trách nhiệm với cộng đồng trong công tác nuôi dưỡng đội ngũ kế thừa trẻ tài năng.

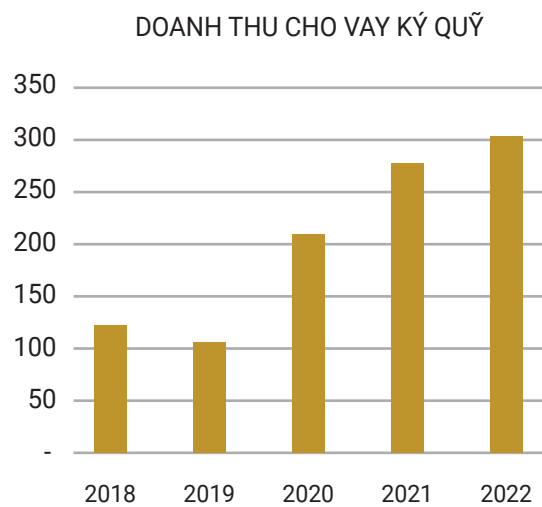
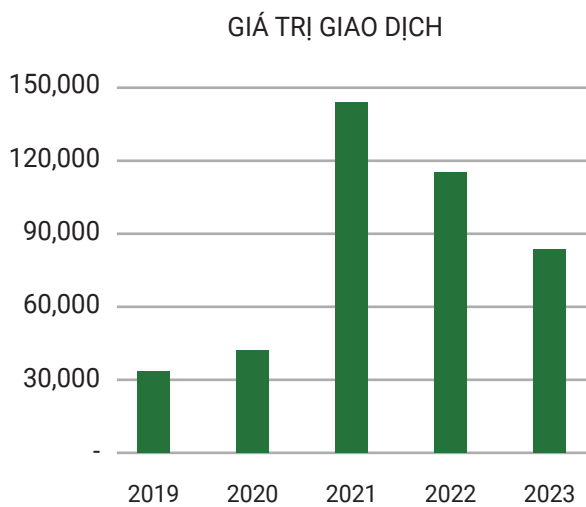
**HÀNH TRÌNH 17 NĂM
TIẾN BƯỚC VƯƠN XA
2006 - 2023**



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN



Đơn vị tính: tỷ đồng

Ngoài các chỉ số tài chính, điểm đáng lưu ý là việc đi sâu vào các chiến lược và các sáng kiến đã đóng góp vào hiệu suất kinh doanh của PHS giữa một bối cảnh thị trường nhiều thách thức. Suốt năm 2023, Ban lãnh đạo của Công ty đã thể hiện sự linh hoạt và dự báo trong điều hành trong bối cảnh điều kiện thị trường biến động, đã triển khai các biện pháp nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và giảm thiểu rủi ro. Tổng doanh thu hoạt động tổng của Công ty đạt khoảng 559 tỷ đồng, tăng 4,4% so với năm trước.

PHS cam kết duy trì một môi trường lãi suất cân bằng, một yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy sự tăng trưởng cho hoạt động cho vay ký quỹ. Bằng cách điều chỉnh lãi suất một cách cẩn trọng phù hợp với động thái thị trường, PHS đã có thể thu hút khách hàng trong khi cũng quản lý được các rủi ro liên quan đến việc cho vay. Doanh thu từ hoạt động

cho vay ký quỹ đạt 314,2 tỷ đồng và tăng khoảng 8,4% so với năm 2022.

Bên cạnh đó, cũng cần lưu ý đến sự tập trung của Công ty vào quản lý chi phí. Chi phí môi giới vào năm 2023 đạt 168,8 tỷ đồng, giảm đáng kể 10,6% so với năm trước, làm nổi bật sự cam kết của PHS trong việc tối ưu hóa hoạt động mà không làm ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ.

Hơn nữa, sự cắt giảm tổng chi phí hoạt động xuống còn 206,2 tỷ đồng, giảm 2,1% so với năm trước, phản ánh phương pháp quản lý các nguồn tài nguyên và quản lý tài chính phù hợp của PHS. Bằng cách xác định các lĩnh vực cần được tối ưu hóa và đạt được sự gia tăng hiệu quả, Công ty đã thể hiện cam kết của mình trong việc tối đa hóa giá trị cho cổ đông và đảm bảo bền vững tài chính.

TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN

Cùng với sự hồi phục của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2023, khối Tự doanh đã tập trung tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các cổ phiếu hàng đầu của các ngành dẫn dắt, cũng như các cổ phiếu có câu chuyện riêng với triển vọng kinh doanh. Tuy nhiên, do ảnh hưởng từ đợt điều chỉnh từ giữa tháng 9, danh mục đầu tư của khối Tự doanh tăng 6.1% trong năm 2023.



TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Năm 2023, kinh tế thế giới và Việt Nam đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức hơn cơ hội. Kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao, chính sách tiền tệ thắt chặt, cầu tiêu dùng yếu trong khi biến đổi khí hậu và căng thẳng địa chính trị phức tạp ngày càng trầm trọng. Nền kinh tế trong nước cũng chịu áp lực từ việc gian lận trong lĩnh vực bất động sản, ngân hàng và trái phiếu doanh nghiệp.

Vượt qua những thử thách, Việt Nam vẫn duy trì kinh tế vĩ mô ổn định trong đó lạm phát trong tầm kiểm soát, thu hút FDI khởi sắc, vốn giải ngân đạt kỷ lục, nhiều chính sách tháo gỡ nút thắt đối với lĩnh vực đất đai, xây dựng, bất động sản, trái phiếu cũng được ban hành. Tăng trưởng kinh tế ước tính đạt 5,05% cho cả năm, chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng 3,3% so với cùng kỳ.

Trong năm 2023, VN-Index ghi nhận xu hướng tăng điểm phục hồi với sự gia tăng trở lại về mặt thanh khoản đã khiến cho thị trường trở nên sôi động hơn. Kết thúc năm 2023, VN-Index tăng 12.2%, đạt 1.129,93 điểm. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn phải đối mặt với những trở ngại như lợi nhuận doanh nghiệp giảm sút, các chính sách hỗ trợ về thị trường trái phiếu doanh nghiệp và tăng trưởng tín dụng có tỷ lệ hấp thụ chậm, nhà đầu tư nước ngoài kém tích cực với việc bán ròng mạnh vào năm 2023.

Chịu tác động chung từ bối cảnh khó khăn của thị trường, cũng như việc tái cấu trúc bộ phận, tìm kiếm khách hàng. Mục tiêu doanh thu của khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp đã không đạt được như mong đợi. Tuy nhiên, với việc hoàn thành kế hoạch tái cấu trúc bộ phận về nhân sự, sản phẩm và dịch vụ, Công ty sẽ tập trung phát triển mạng lưới khách hàng, cũng như đẩy mạnh các hoạt động của bộ phận trong năm 2024.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Cuối năm 2023, tổng tài sản công ty đang quản lý là 4.040.738.369.898 đồng tăng 364.514.829.703 đồng (9,9%) so với đầu năm. Trong đó tài sản ngắn hạn là 3.959.452.700.074 đồng chiếm 97,9% trong tổng tài sản (đầu năm chiếm 97,8%). Tài sản dài hạn là 81.285.669.824 đồng chiếm 2,1% trên tổng tài sản (đầu năm chiếm 2,2%). Tỷ trọng tài sản ngắn hạn và dài hạn cuối năm 2023 so với đầu năm không thay đổi nhiều. Hiệu suất sử dụng tài sản là 0,16.

Nợ xấu phải thu cuối năm 2023 là 37.445.198.459 đồng chiếm 0,93% trên tổng tài sản.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Cuối năm 2023, khoản nợ phải trả của công ty là 2.428.745.823.487 đồng và không có nợ quá hạn. Trong đó nợ phải trả cho tổ chức nước ngoài là 1.605.690.000.000 đồng chiếm 66,1% của tổng nợ phải trả, vì vậy sẽ ảnh hưởng đến chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả và chi phí lãi vay.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán								
Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	1.77	1.95	1.82	1.82	1.49	1.73	1.63
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn								
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	56%	51%	54%	53%	66%	57%	60%
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	127%	103%	118%	115%	197%	130%	151%
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	%	11%	12%	12%	10%	15%	14%	16%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời								
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	13%	21%	24%	24%	28%	10%	7%
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	4%	6%	6%	5%	12%	4%	3%
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	2%	3%	3%	2%	3%	2%	1%
Thu nhập trên một cổ phiếu (EPS)	VND	537	729	679	603	1,229	400	297

Chỉ tiêu về các khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn của PHS qua các năm đều lớn hơn 1 cho thấy mức độ an toàn trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty là tương đối tốt.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không thay đổi nhiều qua các năm và thấp hơn so với mức giới hạn 500% áp dụng cho công ty chứng khoán.

Tính đến thời điểm 31/12/2023, số dư các khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	12/31/2017	12/31/2018	12/31/2019	12/31/2020	12/31/2021	12/31/2022	12/31/2023
Cho vay	708,217	1,175,168	1,152,506	1,526,116	3,538,094	1,991,637	2,951,919
Ngắn hạn	708,217	1,175,168	1,152,506	1,526,116	3,538,094	1,991,637	2,951,919
Dài hạn	0	0	0	0	-	-	-
Tổng cộng	708,217	1,175,168	1,152,506	1,526,116	3,538,094	1,991,637	2,951,919

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế theo đúng quy định hiện hành.

Số dư các khoản thuế phải nộp cho nhà nước tại thời điểm 31/12/2023 như sau:

	12/31/2017	12/31/2018	12/31/2019	12/31/2020	12/31/2021	12/31/2022	12/31/2023
Thuế giá trị gia tăng	2	5	3	3	4	20	16
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	3,249	4,084	5,986	3,876	3,876
Thuế thu nhập cá nhân	1,368	1,275	1,608	3,694	12,483	10,232	7,122
Thuế nhà thầu	0	-	16	28	28	1,126	968
Tổng cộng	1,371	1,280	4,876	7,809	18,501	15,255	11,982

Các khoản phải thu:

	12/31/2017	12/31/2018	12/31/2019	12/31/2020	12/31/2021	12/31/2022	12/31/2023
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	15,979	32,398	20,294	21,522	46,758	57,343	74,788
Trả trước cho người bán	434	1,151	906	1,147	1,701	1,700	7,108
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	25,888	15,727	14,855	1,586	160,061	9,824	3,964
Phải thu khác	12,802	12,936	12,909	12,927	13,103	13,006	12,787
Dự phòng các khoản phải thu	(9,470)	(9,290)	(9,326)	(9,186)	(6,315)	(7,453)	(6,894)
Tổng cộng	45,633	52,922	39,637	27,996	215,308	74,420	91,753

Các khoản phải trả:

	12/31/2017	12/31/2018	12/31/2019	12/31/2020	12/31/2021	12/31/2022	12/31/2023
Nợ phải trả ngắn hạn	644152.3483	766,188	906,211	1,140,360	3,160,455	2,076,800	2,426,615
Nợ phải trả dài hạn	340.4375	365	337	1,312	1,792	1,980	2,131
Tổng cộng	644,493	766,552	906,548	1,141,671	3,162,247	2,078,780	2,428,746

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 2017, 2018, 2019

Chỉ tiêu	Risk/Liquid capital 12/31/2017	Risk/Liquid capital 12/31/2018	Risk/Liquid capital 12/31/2019	Risk/Liquid capital 12/31/2020	Risk/Liquid capital 12/31/2021	Risk/Liquid capital 12/31/2022	Risk/Liquid capital 12/31/2022
Tổng giá trị rủi ro thị trường	510	275	405	13,886	1,968	722	6,532
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	28,474	34,389	28,599	45,990	69,484	160,683	111,464
Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60,000	60,000	60,000	50,000	180,000	180,000	180,000
Tổng giá trị rủi ro	88,985	94,664	89,004	109,876	251,452	341,405	297,996
Vốn khả dụng	504,606	740,875	758,447	948,638	1,540,387	1,532,038	1,543,936
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	567%	783%	852%	863%	613%	449%	518%

Theo quy định tại thông tư Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định các tổ chức kinh doanh chứng khoán phải đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu không thấp hơn 180%. PHS luôn duy trì tỷ lệ vốn khả dụng ở mức cao, an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- ❖ Ban Giám đốc đã có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, các mảng việc đều có lãnh đạo phụ trách trực tiếp nhờ vậy việc quản lý, điều hành doanh nghiệp được thực hiện một cách nhịp nhàng, đồng bộ mang lại hiệu quả cao. Công ty đã sắp xếp lại lao động, kiện toàn bộ máy quản lý hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao năng suất lao động, không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng lao động. Bộ máy quản lý được tinh giảm, chức năng nhiệm vụ của các phòng ban được lồng ghép theo hướng chuyên môn hóa cao tránh chồng chéo. Công ty đã xây dựng được lực lượng lao động chuyên nghiệp, lành nghề và toàn tâm toàn ý với sự phát triển của công ty.
- ❖ Về công nghệ, sản phẩm và dịch vụ: Công ty luôn chú trọng nâng cấp hệ thống, cải tiến sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư và người sử dụng.
- ❖ Về chính sách: luôn cập nhật những thay đổi để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI

Trong năm 2024, Công ty PHS sẽ tập trung mạnh mẽ vào việc phát triển và cung cấp nhiều sản phẩm dịch vụ mới để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng cá nhân trên thị trường chứng khoán. Nhận thức được sự quan trọng của đối tượng này, PHS đặt ra những mục tiêu cụ thể để tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và tăng cường thị phần môi giới chứng khoán cơ sở.

Với những nỗ lực này, PHS đã đặt mục tiêu thị phần môi giới chứng khoán cơ sở trong năm 2024 ở mức 1,32%. Điều này không chỉ là một mục tiêu về con số mà còn là cam kết của công ty trong việc mang đến giá trị thực sự cho khách hàng và thị trường chứng khoán. Đồng thời, nó cũng thể hiện quyết tâm của

PHS trong việc định hình và phát triển bền vững trong thời kỳ biến động và cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường tài chính.

Nghiệp vụ môi giới hợp đồng tương lai chứng khoán phái sinh đã trở thành một điểm sáng nổi bật của Công ty PHS trong năm 2023, đặc biệt là khi Công ty đạt hạng 6 trong thị phần môi giới phái sinh trên HNX với 2,66%. Điều đáng chú ý là doanh thu từ phí môi giới phái sinh cũng đã có sự tăng trưởng đáng kể, gấp đôi so với cùng kỳ 2022. Việc đặt mục tiêu thị phần phái sinh trong năm 2024 ở mức 2,85% là minh chứng cho sự tự tin và quyết tâm của Công ty trong việc phát triển và định hình tương lai.

TỰ DOANH

Thị trường chứng khoán vẫn là kênh đầu tư hấp dẫn nhờ các chính sách hỗ trợ để tiếp tục thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng trong năm tới. Không chỉ vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam đang có những bước chuẩn bị để có thể nâng cấp thị trường từ cận biên lên mới nổi. Gần đây, cơ quan quản lý và các công ty chứng khoán đang hợp tác chặt chẽ với nhau để sớm đưa hệ thống giao dịch KRX mới ra thị trường. Tự chung lại, chúng tôi cho rằng thị trường chứng khoán Việt Nam đầy hứa hẹn và có tiềm năng tăng trưởng trong năm 2024.

Khối Tự doanh đang điều chỉnh lại danh mục đầu tư của mình để có được lợi thế khi thị trường chứng khoán phục hồi vào năm tới. Bên cạnh đó, chúng tôi liên tục tìm kiếm cơ hội để đa dạng hóa danh mục và nâng cao hiệu quả đầu tư. Với sự quan sát toàn diện và kịp thời về mặt phân tích cơ bản và kỹ thuật, chúng tôi tin rằng khối Tự doanh sẽ tìm kiếm được các cơ hội đầu tư có giá trị hơn, cũng như hiệu suất đầu tư vượt trội hơn trong năm 2024.

Hiện tại, danh sách cổ phiếu đầu tư được theo dõi, cập nhật và điều chỉnh cùng với những tín hiệu từ kỹ thuật và cơ bản. Ngoài ra, danh mục đầu tư cũng được xem xét thường xuyên. Quá trình theo dõi diễn biến cổ phiếu được ghi nhận như là hướng dẫn cho hoạt động đầu tư trong tương lai.

Nhìn chung, khối Tự doanh sẽ theo sát diễn biến thị trường và tích cực hơn trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư. Với việc hợp tác chặt chẽ với khối Phân tích trong việc phân tích cơ bản cũng như phân tích kỹ thuật, hoạt động đầu tư của khối Tự doanh sẽ chuyên nghiệp với kỳ vọng đạt được lợi nhuận tiềm năng, bên cạnh đó rủi ro cũng được kiểm soát chặt chẽ.

SẢN PHẨM CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Thị trường chứng quyền có bảo đảm tại Việt Nam không ngừng phát triển. 317 chứng quyền có bảo đảm mới được phát hành và niêm yết trên HOSE, số lượng chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành đạt mức cao mới là 241. Ngoài ra, giá trị giao dịch bình quân hàng ngày của thị trường chứng quyền có bảo đảm cũng tăng đáng kể từ 20,8 tỷ đồng lên 28,01 tỷ đồng (YoY). 34,66%) so với năm 2022. Khối lượng và giá trị giao dịch tối đa đạt mức cao mới là 81,14 triệu cổ phiếu và 100,26 tỷ đồng vào ngày 22/09/2023. Giá trị giao dịch của thị trường chứng quyền có bảo đảm có mối tương quan chặt chẽ với VN-Index và sự biến động của nó.

PHS đã có ba đợt phát hành chứng quyền có bảo đảm được niêm yết trên HOSE vào năm 2023, đó là CHPG2304, CHPG2314 và CSTB2311. Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày của các chứng quyền có bảo đảm này là 483 triệu USD. PHS vẫn lạc quan về sự phát triển trong tương lai của thị trường chứng quyền có bảo đảm. Chúng tôi kỳ vọng độ sâu thị trường của thị trường chứng quyền có bảo đảm sẽ tiếp tục tăng cùng với thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung trong những năm tới. Trong năm 2024, khối Chứng quyền có bảo đảm sẽ tiếp tục tham gia vào thị trường chứng quyền có bảo đảm và tích cực mở rộng thị phần với nhiều công cụ giao dịch tự động tiên tiến do chính chúng tôi tự phát triển.

MARKETING

Trong năm 2024, hoạt động truyền thông quảng bá tiếp thị của công ty sẽ hướng đến các mục tiêu sau:

Đẩy mạnh hoạt động quảng bá các sản phẩm dịch vụ số của PHS đến các nhà đầu tư mục tiêu. Với tiền đề hoạt động 2023, cùng một số dự định ấp ủ, các chiến dịch quảng bá 2024 của PHS sẽ tập trung vào tính bùng nổ, tính độc đáo và tạo đổ phủ lớn đồng thời tạo ra một lượng khách hàng quan tâm sử dụng các dịch vụ này.

Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với các cơ quan báo chí truyền thông là tiền đề để quản lý khủng hoảng rủi ro trong bối cảnh thị trường nhiều biến động. Điều này đảm bảo cho các thông tin về Chứng khoán Phú Hưng không bị dẫn dắt sai hướng và các nhà đầu tư luôn có một nguồn thông tin hữu ích đảm bảo từ báo chí.

Đo lường và quản lý dữ liệu tiếp thị để làm đầu vào cho hoạt động cải tiến chăm sóc khách hàng. Một trong những ưu điểm nổi bật của hoạt động truyền thông tiếp thị kỹ thuật số là người quản lý hoặc công ty có thể nắm bắt được dữ liệu hành vi của khách hàng và đánh giá được hiệu quả của hoạt động dựa trên các dữ liệu trực quan thu thập được. Do đó, năm 2024 vẫn tiếp tục là năm mà dữ liệu Marketing sẽ được xử lý cẩn trọng để trở thành đầu vào giá trị cho các hoạt động cải tiến nội bộ của công ty.





QUẢN LÝ RỦI RO

PHS thừa nhận rằng rủi ro là một thành phần thiết yếu và không thể tránh khỏi trong hoạt động kinh doanh và cam kết quản lý rủi ro một cách chủ động, linh hoạt, hiệu quả, không thay đổi chính sách một cách đột ngột và hỗ trợ tốt cho hoạt động kinh doanh.

Với kế hoạch vận hành KRX vẫn đang được kỳ vọng sớm đi vào thực tiễn, hệ thống này được cho là sẽ mang đến các sản phẩm, giải pháp giao dịch và thanh toán mới. Đồng thời là tiền đề cho việc tiến tới nâng hạng thị trường chứng khoán, thu hút các nhà đầu tư và tăng cường thanh khoản. Căn cứ theo tình hình thị trường trong năm 2023 và hệ thống KRX sẽ đi vào vận hành sắp tới. Khối Quản lý rủi ro sẽ xây dựng những chính sách quản lý rủi ro phù hợp với

thị trường chung trong năm 2024. Đồng thời tập trung nhiều hơn vào các cổ phiếu cơ bản tốt để tăng tỷ trọng của cổ phiếu đó trong danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ; hơn nữa, các chính sách cũng sẽ tập trung vào việc cải tiến quá trình đánh giá các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ nhằm giảm thiểu rủi ro cho PHS và khách hàng cũng như hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của toàn PHS.

PHS đã triển khai sản phẩm giao dịch chứng khoán phái sinh được 03 năm, nên số lượng khách hàng còn nhiều cơ hội tăng trưởng trong năm 2024. Sản phẩm phái sinh ngày càng được mở rộng nên việc xây dựng các chiến lược quản lý rủi ro trong giao dịch chứng khoán phái sinh ngày càng được



chủ động và cải tiến để giảm thiểu các tác động tiêu cực. Các rủi ro chính được xác định bao gồm: rủi ro thị trường, đòn bẩy vốn, sức ép yêu cầu ký quỹ, pháp lý, thanh khoản và rủi ro hệ thống. Theo đó Khối Quản lý rủi ro đề ra bộ tiêu chí quản lý rủi ro liên tục và phù hợp với thị trường nhằm giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh trên thị trường giao dịch phái sinh.

Bên cạnh đó trong năm 2024, mục tiêu giảm thiểu rủi ro và hỗ trợ hoạt động kinh doanh là chiến lược quan trọng hoạt động quản lý rủi ro. Nhằm đảm bảo cho các chiến lược đó, Khối Quản lý rủi ro sẽ nỗ lực hợp tác với Khối Phân tích để có phân tích nâng cao về các công ty niêm yết đủ điều kiện giao dịch ký quỹ và tiếp tục sử dụng một số công cụ phân tích dữ

liệu được phát triển bởi phòng phần mềm thuộc khối Công nghệ thông tin để hỗ trợ tốt nhất cho khối Quản lý rủi ro trong việc thu thập dữ liệu một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả nhất để trình Hội đồng Quản lý rủi ro.

Sau đó, chúng tôi tiếp tục áp dụng danh sách giao dịch ký quỹ đa dạng hơn với tỷ lệ cho vay khác nhau nhằm hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh diễn ra an toàn và hiệu quả, đồng thời gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Trên hết, chính sách Quản lý rủi ro năm 2024 phải đảm bảo tính độc lập, linh hoạt, đồng nhất, hiệu quả và bền vững trong tăng trưởng kinh doanh. Cách tiếp cận này nhấn mạnh việc cam kết về một khuôn khổ quản lý rủi ro mạnh mẽ góp phần vào sự thành công và ổn định chung của PHS.

QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Trong năm 2024, phòng tuyển dụng và gắn kết sẽ tiếp tục cải thiện các hoạt động dựa trên ý kiến phản hồi và đóng góp từ các thành viên PHS thông qua các khảo sát về chất lượng chương trình đã diễn ra. Những cải thiện và phát triển này nhằm mục đích làm cho các hoạt động trở nên gần gũi hơn đối với nhân viên, giúp họ cảm nhận bản thân là một phần quan trọng của công ty, tăng cường sự chia sẻ hình ảnh về PHS trên mạng xã hội. Những chia sẻ chân thực về trải nghiệm làm việc và tham gia các sự kiện gắn kết sẽ giúp ứng viên quan tâm đến PHS được hiểu rõ hơn về công ty và xây dựng niềm tin trước khi họ quyết định ứng tuyển. Mỗi nhân viên trở thành một kênh truyền thông chất lượng về thương hiệu PHS.

Dựa trên thành công của lộ trình đào tạo được thực hiện trong năm 2023, trong năm 2024, đội ngũ đào tạo vẫn tập trung vào việc không chỉ nâng cao kiến thức chuyên môn mà còn tinh chỉnh và phát triển các quy trình và kỹ năng bán hàng chuyên nghiệp phù hợp với từng vị trí công việc, tích hợp các tiến bộ công nghệ và trải nghiệm học tập được cá nhân hóa thông qua hệ thống E-learning. Phòng đào tạo mong muốn không chỉ đáp ứng mà còn tạo ra một lực lượng lao động không chỉ có kỹ năng mà còn có tầm nhìn, góp phần vào sự thành công bền vững của PHS.

Những năm gần đây, PHS vẫn đang nỗ lực duy trì và điều chỉnh các chính sách lương thưởng và chế độ phúc lợi hấp dẫn nhằm đảm bảo việc thu hút lực lượng lao động và khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với công ty.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến Kiểm toán hoàn toàn được chấp nhận.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2023: 498.080.560 đồng (bốn trăm chín mươi tám triệu không trăm tám mươi ngàn năm trăm sáu mươi đồng).

Tổng chi phí bảo hiểm sức khỏe tự nguyện cho cấp giám sát trở lên và nhân viên có thâm niên từ đủ 1 năm trong năm 2023: 593.145.244 đồng (năm trăm chín mươi ba triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm bốn mươi bốn đồng).

Tổng chi phí bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động năm 2023: 7.843.500 đồng (bảy triệu tám trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm đồng).

Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2023: khoảng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/ người.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty tài trợ và toàn thể nhân viên tham gia chương trình đi bộ từ thiện Lawrence S.Ting được tổ chức hàng năm do Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng phối hợp UBND quận 7, quận 8, huyện Bình Chánh, huyện Nhà Bè tổ chức từ năm 2006, với mục đích gây quỹ hỗ trợ đồng bào nghèo mỗi dịp Xuân về.

Bên cạnh tham gia các hoạt động phong trào thiện nguyện tại địa phương, PHS vẫn luôn cố gắng không ngừng tạo ra môi trường làm việc năng động, trẻ trung để giúp các bạn sinh viên trải nghiệm, thực tập và làm việc thực tế tại doanh nghiệp cũng như tìm hiểu thêm về thị trường tài chính, chứng khoán khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường nhằm góp phần trách nhiệm với cộng đồng trong công tác nuôi dưỡng đội ngũ kế thừa trẻ tài năng.

**HÀNH TRÌNH 17 NĂM
TIẾN BƯỚC VƯƠN XA
2006 - 2023**



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2023



Sau một năm 2022 khó khăn, thị trường chứng khoán Việt Nam đã khởi sắc trở lại trong năm 2023. VN-Index kết năm 2023 với mức tăng 12% (so với mức giảm 33% trong năm 2022).

Kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong năm 2023 khi các căng thẳng địa chính trị trở nên gay gắt hơn, xung đột Nga – Ukraine diễn biến phức tạp, các cuộc giao tranh tại khu vực Trung Đông liên tục xảy ra. Điều này đã tác động tới quá trình phục hồi kinh tế của thế giới sau đại dịch Covid-19. Lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn vẫn phải duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao, đã khiến thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm. Những khó khăn chung của toàn cầu cũng đã phản ánh

lên nền kinh tế của Việt Nam trong năm 2023. Lũy kế cả năm, tăng trưởng GDP 2023 chỉ tăng 5,05% so với năm trước và thấp hơn mục tiêu của Chính phủ. Tuy nhiên, khác với các nước khi phải đối mặt với tình trạng giá cả hàng hóa leo thang, lạm phát tại Việt Nam được kiểm soát chặt chẽ khi chỉ tăng 3,3% trong năm 2023 cùng với tỷ giá duy trì ổn định, tạo điều kiện để NHNN và Chính phủ thực hiện hàng loạt các biện pháp hỗ trợ kích thích tăng trưởng kinh tế.

Nhân hàng nhà nước đã giảm các loại lãi suất cơ bản tổng cộng 4 lần chỉ trong 3 tháng (từ tháng 3 đến tháng 6), cộng lại lên đến 150-200 điểm cơ bản (bps), đưa mặt bằng lãi suất chính sách quanh 3 – 4,5%.

Thêm vào đó, trong năm 2023, Chính phủ cũng đã ban hành một loạt các thông tư, nghị định mới nhằm gỡ khó cho lĩnh vực Bất động sản và thị trường Trái phiếu doanh nghiệp.

Mặc dù thanh khoản bình quân trên sàn HoSE giảm đáng kể (15.100 tỷ đồng/phiên so với mức 17.500 tỷ đồng/phiên trong năm 2022), việc dòng tiền từ các nhà đầu tư cá nhân trong nước tham gia trở lại đã tạo động lực không nhỏ cho đà tăng của các chỉ số. Bằng chứng là số lượng nhà đầu tư cá nhân mới (F0) gia tăng đáng kể trong giai đoạn nửa cuối năm 2023. Tính đến cuối năm 2023, số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân trong nước đã tương đương khoảng 7,2% dân số, và khả năng sớm hoàn thành mục tiêu 8% dân số của Chính phủ vào năm 2030.

Lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết năm 2023 ước tính giảm 4%YoY do tình hình kinh tế khó khăn, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của các nhóm như bán lẻ, bất động sản, thép, hàng không. Tuy nhiên, vẫn có nhóm ngành ghi nhận tăng trưởng tích cực, điển hình như chứng khoán, bảo hiểm, y tế. Ngoài ra, tính riêng trong quý 4/2023, lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết

ước tính đã lấy lại tốc độ tăng trưởng dương (+32%), sau 4 quý tăng trưởng âm liên tục trước đó. Đây được xem là một kết quả khích lệ cho thấy nền kinh tế đang trong quá trình phục hồi. Qua đó P/E của VN-Index tính đến cuối năm 2023 ở vào mức 13,6 lần. Bước sang năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng sẽ duy trì xu hướng đi lên với động lực từ sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế trong bối cảnh NHNN sẽ tiếp tục giữ mặt bằng lãi suất ở mức thấp. Bên cạnh đó, kinh tế toàn cầu cũng sẽ khởi sắc hơn khi các Ngân hàng Trung ương lớn trên thế giới bắt đầu quá trình cắt giảm lãi suất. Theo ước tính của PHS, lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết có thể tăng đến 17%YoY với P/E của thị trường dự kiến sẽ ở mức khoảng 12-13 lần, vẫn hấp dẫn so với mức bình quân 5 năm khoảng 15 lần.

Về dài hạn, thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng sẽ bước vào một chu kỳ tăng trưởng bền vững nhờ động lực chính từ việc nâng hạng của thị trường. Chính phủ đã và đang nỗ lực đưa ra những giải pháp để cải cách thị trường chứng khoán, từ đó đáp ứng các tiêu chí để được nâng hạng lên thị trường mới nổi của FTSE và MSCI.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

Năm 2023 là một năm tương đối nhiều biến động đối với TTCK Việt Nam, PHS cũng gặp nhiều thách thức trong hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận sau thuế của PHS đạt 44,6 tỷ đồng, đạt 38,6% kế hoạch của năm Tài chính 2023 được thông qua vào kỳ ĐHCĐ năm vừa rồi.

NHỮNG THAY ĐỔI CHIẾN LƯỢC TRONG NĂM 2024

Kết quả kinh doanh năm 2023 là sự nỗ lực của tập thể Ban TGD, toàn thể cán bộ công nhân viên. HĐQT đặt mục tiêu duy trì tính cạnh tranh, thích ứng với sự thay đổi của động lực thị trường và tiếp tục quỹ đạo tăng trưởng vào năm 2024. Tăng trưởng của công ty theo một số định hướng do HĐQT công ty đề ra bao gồm:

- Ưu tiên nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ và hỗ trợ khách hàng. Điều này có thể liên quan đến việc hợp lý hóa các quy trình, đầu tư vào đào tạo và phát triển cho nhân viên làm việc trực tiếp với khách hàng hoặc triển khai các công nghệ mới để nâng cao trải nghiệm của khách hàng.

- Tập trung phát triển các sản phẩm mới hoặc cải tiến các sản phẩm hiện có để đáp ứng nhu cầu và sở thích ngày càng tăng của khách hàng. Điều này có thể liên quan đến nghiên cứu thị trường, phản hồi của khách hàng và hợp tác giữa các bộ phận để xác định các lĩnh vực cần cải tiến hoặc đổi mới.

- Khuyến khích và thúc đẩy sự đổi mới trên tất cả các khía cạnh của doanh nghiệp, bao gồm sản phẩm, dịch vụ, quy trình và công nghệ. Điều này có thể liên quan đến việc đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khám phá các cơ hội thị trường mới hoặc tận dụng các công nghệ mới nổi để dẫn đầu đối thủ.

TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đóng góp xây dựng thị trường

Là một trong các công ty chứng khoán có vốn đầu tư nước ngoài hàng đầu tại Việt Nam, chúng tôi có trách nhiệm góp phần xây dựng thị trường vốn không ngừng nghỉ, đặc biệt là trong việc thúc đẩy sự minh bạch, liêm chính và khơi nguồn sự đổi mới. Chúng tôi luôn chủ động tham gia vào các hoạt động thị trường và trong ngành. PHS thường xuyên tổ chức kết nối giữa các doanh nghiệp tài chính cũng như các chuyên gia Đà Loan với UBCK và các Sở Giao dịch nhằm giao lưu chia sẻ thông tin và kinh nghiệm triển khai các sản phẩm tài chính mới đối với thị trường Việt Nam.

Chúng tôi tin rằng mục đích của việc kinh doanh không chỉ đơn giản là tập trung vào lợi nhuận. Thông qua việc đóng góp và tham gia xây dựng thị trường, chúng tôi luôn giữ vai trò là người tiên phong trong việc định hướng tương lai cho TTCK Việt Nam.

Nuôi dưỡng thế hệ trẻ

PHS nhận thức được trách nhiệm của mình là đóng góp tích cực vào việc xây dựng và phát triển môi trường và cộng đồng. Trong đó, PHS luôn chú trọng xây dựng các chiến lược phát triển để nâng cao chuyên môn và kinh nghiệm của nhân viên. Nguồn nhân lực được xem là tài sản quan trọng nhất và việc nuôi dưỡng, phát triển nhân lực cũng là yếu tố chính cho sự phát triển bền vững của PHS.

Một trong những hoạt động trách nhiệm xã hội của PHS là thường xuyên định kỳ tổ chức các buổi giao lưu, đào tạo đối với sinh viên các trường Đại học nhằm giúp các bạn trẻ định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính chứng khoán cũng như hỗ trợ các bạn trau dồi các kĩ năng, tạo cơ hội cho các bạn tham gia môi trường kinh doanh thực tế, thúc đẩy môi trường làm việc lành mạnh và kích thích sự phát triển của các bạn.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban TGD điều hành các công việc kinh doanh hàng ngày của công ty, tổ chức thực hiện các quyết định chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng Ban TGD đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ

được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ, kết quả dù doanh thu thuần tăng 1% nhưng lợi nhuận trước thuế giảm 23,7% so với năm 2022. Công ty luôn nỗ lực hết mình để thực hiện kế hoạch kinh doanh do các cổ đông đề ra trong Đại hội cổ đông thường niên.

Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và các cổ đông.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để đạt được mục tiêu năm 2024, các giải pháp cho từng mảng kinh doanh đã được xác lập cụ thể dựa trên tầm nhìn chiến lược dài hạn và tập trung vào các yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững cho PHS: chất lượng dịch vụ, đổi mới và phát triển sản phẩm. Khách hàng luôn là trọng tâm trong mọi hoạt động. Cụ thể:

- ❖ **NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ** - PHS không ngừng nâng cao năng lực của đội ngũ nhân sự thông qua các chương trình đào tạo để đảm bảo việc cung cấp dịch vụ đáng tin cậy và an toàn luôn được ưu tiên hàng đầu, đồng thời xây dựng uy tín bền vững với khách hàng. PHS đã và đang tiếp tục đẩy mạnh việc tăng cường hỗ trợ khách hàng, giải quyết kịp thời các vấn đề mà khách hàng gặp phải thông qua Trung tâm Chăm sóc Khách hàng và triển khai hệ thống CRM. Trong thời gian tới, PHS dự kiến áp dụng mô hình SLA vào dịch vụ để nâng cao chất lượng cũng như cam kết dịch vụ của công ty đối với từng khách hàng. Công ty cũng đang tăng cường nghiên cứu thị trường để cung cấp các sản phẩm đa dạng phù hợp với nhu cầu của khách hàng. Đồng thời, PHS sẽ tăng cường các hoạt động quảng bá và giới thiệu sản phẩm, hình ảnh của mình thông qua việc tổ chức các hội thảo khách hàng định kỳ, đảm bảo truyền tải thông tin phù hợp với yêu cầu của khách hàng.
- ❖ **PHS MOBILE APP MỚI** – PHS hiểu rằng công nghệ trong một công ty thương mại không còn đóng vai trò bổ sung mà là yếu tố thiết yếu cho sự thành công then chốt. Điều này không chỉ liên quan đến việc đáp ứng nhu cầu thường xuyên về áp dụng công nghệ để ổn định môi trường và cải thiện hiệu suất mà còn tập trung vào cách rút ngắn thời gian giao dịch. Các nền tảng giao dịch trực tuyến đang được cải tiến để phù hợp nhất với yêu cầu của nhà giao dịch, từ thông thường đến chuyên nghiệp. Hướng tới năm 2024, PHS sẽ triển khai các dịch vụ trực tuyến trên Ứng dụng PHS Mobile mới để thích ứng với những thay đổi trong tương lai, phục vụ nhu cầu cụ thể của khách hàng mục tiêu, đặc biệt là Gen Z.
- ❖ **NÂNG CẤP SẢN PHẨM HIỆN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI** - PHS liên tục tiến hành việc nghiên cứu, phát triển và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ hàng đầu, mở rộng các tiện ích hỗ trợ và công cụ truyền thông đa dạng đối với sản phẩm hiện có. Và PHS luôn đáp ứng các yêu cầu về mặt nhân sự và cơ sở hạ tầng để nâng cấp hệ thống và các dịch vụ liên quan, tuân thủ yêu cầu kết nối hệ thống KRX và đảm bảo trải nghiệm tốt nhất có thể cho khách hàng.

**HÀNH TRÌNH 17 NĂM
TIẾN BƯỚC VƯƠN XA
2006 - 2023**



QUẢN TRỊ CÔNG TY

QUẢN TRỊ CÔNG TY

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ tại PHS	Chức vụ tại công ty khác	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại PHS
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch Hội đồng		0%
2.	Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	0%
3.	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng	0%
4.	Ông Chen Chia Ken	Thành viên		0%
5.	Bà Liu, Hsiu-Mei	Thành viên độc lập		0%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: KHÔNG CÓ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2023, HĐQT đã hoàn thành những công việc được ĐHĐCĐ giao phó, qua đó, góp phần thúc đẩy kết quả kinh doanh của PHS khởi sắc và nâng cao thị phần môi giới của PHS trên thị trường chứng khoán.

Ngày 13/01/2023, HĐQT thông qua việc sửa đổi, bổ sung chính sách Quản lý rủi ro.

Ngày 27/03/2023, HĐQT đã thông qua Điều lệ sửa đổi đệ trình lên ĐHĐCĐ thường niên ngày 20/4/2023 để thông qua và áp dụng thực hiện.

Những văn bản trên đã cập nhật những quy định pháp luật mới nhất, góp phần tạo nên khung pháp lý chắc chắn, làm nền tảng để công ty hoạt động một cách có hiệu quả và nghiêm chỉnh tuân thủ quy định pháp luật.

PHS đã lập ra Hội Đồng Quản Trị Rủi Ro và bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ để hỗ trợ HĐQT kiểm soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ. Với nguồn nhân sự là những nhân viên có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, Hội Đồng Quản Trị Rủi Ro và bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ đã giúp HĐQT quản lý tốt tất cả các rủi ro trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.

Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện 08 cuộc họp, thông qua 08 Nghị quyết với những nội dung đáng chú ý sau:

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
1.	17/01/2023	01/75_0123/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Dự phòng nợ phải thu (ký quỹ) tại ngày 31/12/2022; 2. Thông qua Dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 31/12/2022; 3. Thông qua Chính sách Quản lý rủi ro năm 2023 4. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân Hàng SinoPac – Chi nhánh Hồ Chí Minh; 5. Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân Hàng TNHH Indovina – Trung tâm Kinh doanh.
2.	02/03/2023	01/76_0223/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Ngày đăng ký cuối cùng, ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên; 2. Thông qua Việc chuyển và thay đổi địa chỉ Chi nhánh Quận 3 đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; 3. Thông qua Việc gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân hàng Sinopac (OBU); 4. Thông qua Việc gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân hàng Quốc tế Taishin; 5. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng Thấu chi với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
3.	27/03/2023	01/77_0323/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Chương trình nghị sự và các tài liệu dùng trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (Đại hội) ngày 20/04/2023; 2. Thông qua Báo cáo tài chính Kiểm toán Năm 2022; 3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh Năm 2022; 4. Thông qua Báo cáo Quản trị Công ty Năm 2022; 5. Thông qua Báo cáo cập nhật vốn Điều lệ vào Điều lệ Công ty ngày 24/10/2022; 6. Thông qua Kế hoạch phát triển Và Kinh doanh công ty trong Năm 2023; 7. Thông qua Dự toán ngân sách tài chính Năm 2023; 8. Thông qua Phương án xử lý quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ; 9. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022; 10. Thông qua việc Sửa đổi Điều lệ Công ty; 11. Thông qua Giấy Ủy quyền cho Ông Chen Chia Ken – Thành Viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc làm Chủ tọa Đại hội và Ký những văn bản liên quan đến Đại hội ngày 20/04/2023; 12. Thông qua Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kiểm toán ngày 31/12/2022; 13. Thông qua việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun.

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
4.	31/05/2023	01/78_0423/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua thù lao dành cho từng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023; 2. Thông qua việc chuyển Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ vào lợi nhuận chưa phân phối; 3. Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền năm 2022; 4. Thông qua điều kiện cung cấp Chứng quyền có bảo đảm lần ba; 5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Chang Hwa, chi nhánh HSI-Sung; 6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng KGI; 7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Phương Đông, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh; 8. Thông qua việc gia hạn hạn mức thấu chi với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh; 9. Thông qua việc gia hạn và tăng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Cathay United, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
5.	26/06/2023	01/79_0523/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua điều kiện cung cấp Chứng quyền có bảo đảm lần bốn; 2. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Panhsin; 3. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Cathay United – OBU; 4. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Shanghai Commercial and Savings Bank, Ltd. – chi nhánh Hong Kong; 5. Thông qua hạn mức tín dụng với Ngân hàng TNHH CTBC – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương Mại Taipei Fubon – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 7. Thông qua việc gia hạn và tăng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Hua Nan – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 8. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. – chi nhánh Đồng Nai.
6.	30/08/2023	01/80_0623/NQ-HĐQT	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Dự phòng nợ phải thu (ký quỹ) tại ngày 30/06/2023; 2. Thông qua Dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 30/06/2023; 3. Thông qua việc sửa đổi Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/78_0423/NQ-HĐQT ngày 31/05/2023; 4. Thông qua Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng; 5. Thông qua hạn mức tín dụng với Ngân hàng TNHH CTBC; 6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun, chi nhánh Đồng Nai; 7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân Hàng First Commercial Bank – chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh;

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
			<p>8. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng First Commercial Bank – chi nhánh Offshore;</p> <p>9. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Thương Mại Taipei Fubon, chi nhánh Offshore;</p> <p>10. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Thương mại Quốc tế Mega, Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh;</p> <p>11. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Thương mại Quốc tế Mega – OBU;</p> <p>12. Thông qua việc gia hạn và tăng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương – Hội sở;</p> <p>13. Thông qua hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Nam Sài Gòn;</p> <p>14. Thông qua hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.</p>
7.	26/10/2023	01/81_0723/NQ-HĐQT	<p>1. Thông qua dự phòng nợ phải thu (ký quỹ) tại ngày 30/09/2023;</p> <p>2. Thông qua dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 30/09/2023;</p> <p>3. Thông qua việc bãi nhiệm ông Li Hsin Hsien – Phó Tổng Giám đốc;</p> <p>4. Thông qua việc đầu tư vào chứng chỉ quỹ;</p> <p>5. Thông qua hạn mức rủi ro trước thanh toán với Ngân hàng Cathay United – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại EnTie – chi nhánh Offshore;</p> <p>7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Union Bank of Taiwan;</p> <p>8. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Hợp Tác Đài Loan – chi nhánh Offshore.</p>
8.	27/12/2023	01/82_0823/NQ-HĐQT	<p>1. Thông qua Ngân sách của công ty năm 2024;</p> <p>2. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2024;</p> <p>3. Thông qua việc sửa đổi Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/80_0623/NQ-HĐQT ngày 30/08/2023;</p> <p>4. Thông qua việc gia hạn hạn mức thấu chi với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa;</p> <p>5. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng SinoPac – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>6. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng SinoPac – OBU;</p> <p>7. Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Yuanta – chi nhánh Offshore;</p> <p>8. Thông qua việc tăng hạn mức rủi ro trước thanh toán với Ngân hàng Cathay United – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Trong năm 2023, thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện đúng với nhiệm vụ được giao. Cùng với Ban Kiểm Soát, thành viên HĐQT độc lập đã giám sát và theo dõi các hoạt động của HĐQT và Ban TGD trong các hoạt động quản lý điều hành công ty.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ tại PHS	Chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty	Tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch	Không	Có
2.	Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên	Có	Có
3.	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên	Không	Có
4.	Ông Chen Chia Ken	Thành viên	Có	Có
5.	Bà Liu, Hsiu-Mei	Thành viên độc lập	Không	Có

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban Kiểm Soát	Chức vụ tại PHS	Chức vụ tại công ty khác	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại PHS
1.	Ông Liew Sep Siang	Trưởng Ban Kiểm Soát	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng	0%
2.	Ông Chiu, Hsien-Chih	Thành viên	Trợ lý đặc biệt của Chủ tịch Công ty Cổ phần CX Technology (VN)	0%
3.	Bà Kuo, Ping-Min	Thành viên (Ngày bắt đầu là thành viên 31/03/2022)	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng	0%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm Soát trong năm 2023 đã thực hiện các công việc trên tinh thần khách quan, độc lập, tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của PHS, bao gồm việc kiểm tra, giám sát và đánh giá việc điều hành, quản trị công ty của HĐQT, Ban TGD cũng như hoạt động của các khối trong công ty.

Trong năm 2023, Ban Kiểm Soát đã thực hiện những cuộc họp thể hiện qua các biên bản họp sau:

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
1.	27/03/2023	01/19_0123/BB-BKS	<ol style="list-style-type: none">Thông qua báo cáo của Ban Kiểm Soát về tình hình hoạt động trong năm 2022 đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;Thông qua Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập trong năm 2023 đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. <ol style="list-style-type: none">Báo cáo Tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023;
2.	28/12/2023	01/20-_0223/BB-BKS	<ol style="list-style-type: none">Báo cáo Tài chính giữa niên độ cho quý kết thúc ngày 30/09/2023;Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính ngày 30/06/2023;Báo cáo kế hoạch kinh doanh 2024.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Các thành viên HĐQT và Ban Kiểm Soát được nhận thù lao theo chế độ của công ty. Tổng cộng khoản thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban Kiểm Soát là 1.920.000.000 đồng.

Thành viên Ban TGD gồm có Tổng Giám Đốc và Phó Tổng Giám Đốc nhận lương và thưởng theo chế độ của công ty.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2023, Cổ đông nội bộ không giao dịch cổ phiếu.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2023, PHS không có hợp đồng hoặc giao dịch với Cổ đông nội bộ.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2023, áp dụng những quy định về quản trị công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, PHS đã thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và trình ĐHĐCĐ thông qua trong kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 20/04/2023.

Đồng thời, PHS cũng tổ chức phổ biến các quy định mới để tất cả các khối trong công ty có cơ sở tuân thủ và thực hiện theo Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01/01/2021. Cam kết của PHS trong việc tuân thủ các yêu cầu pháp lý cũng như duy trì tính minh bạch và tuân thủ trong hoạt động của mình.



**HÀNH TRÌNH 17 NĂM
TIẾN BƯỚC VƯƠN XA
2006 - 2023**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

122/GP-UBCK	ngày 20 tháng 1 năm 2016
18/GPĐC-UBCK	ngày 22 tháng 6 năm 2016
23/GPĐC-UBCK	ngày 25 tháng 7 năm 2016
03/GPĐC-UBCK	ngày 23 tháng 1 năm 2017
03/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 1 năm 2018
100/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 11 năm 2018
107/GPĐC-UBCK	ngày 26 tháng 12 năm 2018
47/GPĐC-UBCK	ngày 21 tháng 8 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	ngày 4 tháng 3 năm 2020
03/GCN-UBCK	ngày 16 tháng 6 năm 2020
04/GCN-UBCK	ngày 16 tháng 6 năm 2020
48/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 6 năm 2021
82/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 9 năm 2021
57/GCN-UBCK	ngày 31 tháng 12 năm 2021
79/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 8 năm 2022
110/GPĐC-UBCK	ngày 10 tháng 11 năm 2022

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0313642887

ngày 20 tháng 1 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313642887 ngày 22 tháng 11 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên
Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên
Ông Chen Chia Ken	Thành viên
Bà Liu, Hsiu-Mei	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Ông Liew Sep Siang	Trưởng ban
Ông Chiu, Hsien-Chih	Thành viên
Bà Kuo, Ping-Min	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Chen Chia Ken	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thu Nhân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Li, Hsin-Hsien	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25 tháng 10 năm 2023)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower
8 Hoàng Văn Thái
Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Phòng Giao dịch
Phú Mỹ Hưng** Tầng trệt, CR2-08
107 Tôn Dật Tiên
Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Quận 3 Tầng 4 & 5
458 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 2, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Tân Bình Tòa nhà Park Legend
251 Hoàng Văn Thụ
Phường 2, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội Tầng 5, Tòa nhà Vinafor
127 Lò Đúc
Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Thanh Xuân Tầng 5, Tòa nhà Udic Complex
N04 Hoàng Đạo Thúy
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng Tầng 2, Tòa nhà Eliteco
18 Trần Hưng Đạo
Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Chi nhánh Quận 1 Phòng 1003A, Tầng 10
81-83-83B-85 Hàm Nghi
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 65 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 4 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 65.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00343-24-1



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
TÀI SẢN				
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)		3.959.452.700.074	3.594.952.135.875
I	Tài sản tài chính		3.954.792.801.205	3.591.804.899.063
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		196.824.308.864	763.880.564.438
1.1	Tiền		91.373.936.013	55.080.564.438
1.2	Các khoản tương đương tiền		105.450.372.851	708.800.000.000
2	Các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận theo lãi hoặc lỗ (“FVTPL”)		90.634.482.673	6.715.109.065
3	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		654.213.238.356	768.313.246.576
4	Các khoản cho vay		2.951.919.275.244	1.991.637.329.285
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính		(30.551.507.140)	(13.161.395.486)
7	Các khoản phải thu		74.788.081.049	57.343.194.800
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính		74.788.081.049	57.343.194.800
8	Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.108.023.307	1.699.892.844
9	Phải thu các dịch vụ cung cấp		3.964.076.031	9.823.664.112
12	Các khoản phải thu khác		12.786.514.140	13.006.432.355
13	Dự phòng phải thu khó đòi		(6.893.691.319)	(7.453.138.926)
II	Tài sản ngắn hạn khác		4.659.898.869	3.147.236.812
1	Tạm ứng		162.595.400	98.000.000
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		4.497.303.469	3.049.236.812
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 240 + 250)		81.285.669.824	81.271.404.320
II	Tài sản cố định		23.745.314.509	30.020.996.970
1	Tài sản cố định hữu hình		13.805.025.065	17.836.383.954
	Nguyên giá		47.229.401.364	46.081.175.822
	Giá trị hao mòn lũy kế		(33.424.376.299)	(28.244.791.868)
3	Tài sản cố định vô hình		9.940.289.444	12.184.613.016
	Nguyên giá		26.091.616.400	25.271.616.400
	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.151.326.956)	(13.087.003.384)
IV	Tài sản dở dang dài hạn		15	-
V	Tài sản dài hạn khác		57.540.355.315	49.617.038.294
1	Ký quỹ, ký cược dài hạn		5.637.869.733	4.624.178.350
2	Chi phí trả trước dài hạn		18.287.789.360	16.785.221.733
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		6.591.125.211	3.704.283.910
4	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán		16.964.116.068	14.464.116.068
5	Tài sản dài hạn khác		10.059.454.943	10.039.238.233
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)			4.040.738.369.898	3.676.223.540.195

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
C	NỢ PHẢI TRẢ			
	(300 = 310 + 340)		2.428.745.823.487	2.078.779.920.986
I	Nợ phải trả ngắn hạn		2.426.614.761.125	2.076.799.906.542
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	1.990.040.000.000	1.833.020.000.000
1.1	<i>Vay ngắn hạn</i>	312	20	1.990.040.000.000
6	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	21	389.121.316.960
8	Phải trả người bán	320		66.259.697
10	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	22	11.982.298.962
11	Phải trả người lao động	323		-
12	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		372.753.773
13	Chi phí phải trả	325	23	23.311.796.104
17	Các khoản phải trả khác	329	24	11.720.335.629
II	Nợ phải trả dài hạn		2.131.062.362	1.980.014.444
12	Dự phòng phải trả dài hạn	354		2.131.062.362
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)		1.611.992.546.411	1.597.443.619.209
I	Vốn chủ sở hữu		1.611.992.546.411	1.597.443.619.209
1	Vốn cổ phần	411	25	1.500.097.005.000
1.1	<i>Vốn cổ phần</i>	411.1		1.500.098.190.000
1.5	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	411.5		(1.185.000)
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		12.064.998.139
5	Quỹ dự phòng tài chính	415		-
7	Lợi nhuận chưa phân phối	417		99.830.543.272
7.1	<i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>	417.1		105.003.116.298
7.2	<i>(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện</i>	417.2		(5.172.573.026)
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440	4.040.738.369.898	3.676.223.540.195

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND	
A. TÀI SẢN VÀ NỢ CỦA CÔNG TY				
6	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006	150.009.329	150.009.329
7	Cổ phiếu quỹ (số lượng cổ phiếu)	007	490	490
8	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“VSD”) của Công ty	008	13.602.690.000	1.313.540.000
9	TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty	009	2.420.000	2.500.000
10	TSTC chờ về của Công ty	010	218.600.000	57.000.000
13	TSTC được hưởng quyền của Công ty	013	149.200.000	6.710.000
14	Chứng quyền có bảo đảm (số lượng)	014	1.065.800	-
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư/khách hàng	021	8.178.036.075.000	6.855.539.762.000
a	<i>TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	021.1	7.489.234.325.000	6.168.361.102.000
b	<i>TSTC hạn chế chuyển nhượng</i>	021.2	27.916.510.000	109.765.880.000
c	<i>TSTC giao dịch cầm cố</i>	021.3	218.667.990.000	203.667.990.000
d	<i>TSTC phong tỏa, tạm giữ</i>	021.4	312.000.690.000	308.993.160.000
e	<i>TSTC chờ thanh toán</i>	021.5	130.216.560.000	64.751.630.000
2	TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư/khách hàng	022	371.080.410.000	606.584.450.000
a	<i>TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	022.1	75.800.070.000	96.265.250.000
b	<i>TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	022.2	295.280.340.000	510.319.200.000
3	TSTC chờ về của nhà đầu tư/khách hàng	023	164.619.850.000	97.802.768.000
6	TSTC được hưởng quyền của nhà đầu tư/khách hàng	025	8.242.480.000	6.480.280.000
7	Tiền gửi của khách hàng	026	763.571.527.689	486.676.329.967
7.1	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	425.156.275.773	219.474.250.558
7.2	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	027.1	338.415.251.916	267.202.079.409

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
8 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	425.156.275.773	219.474.250.558
8.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	420.204.181.753	201.859.275.797
8.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	4.952.094.020	17.614.974.761

Ngày 4 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
Nhân viên Kế toán

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B02 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND	
I DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
1.1		Lãi từ các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận thông qua lãi hoặc lỗ (“FVTPL”)	01	14.328.354.651	1.933.611.365
<i>a</i>	<i>01.1</i>	<i>Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>26</i>	<i>11.017.029.327</i>	<i>3.419.602.661</i>
<i>b</i>		<i>Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>01.2</i>	<i>2.988.633.744</i>	<i>(1.827.492.604)</i>
<i>c</i>	<i>01.3</i>	<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>		<i>322.691.580</i>	<i>341.501.308</i>
1.2	02	Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	27	73.112.766.792	49.989.155.905
1.3	03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	28	314.274.638.330	289.890.811.142
1.6	06	Doanh thu môi giới chứng khoán		150.678.112.953	188.307.352.556
1.9	09	Doanh thu lưu ký chứng khoán		5.800.985.994	3.978.382.004
1.10	10	Doanh thu tư vấn		-	558.343.434
1.11	11	Thu nhập hoạt động khác		845.048.647	957.190.175
	20	Tổng doanh thu hoạt động		559.039.907.367	535.614.846.581
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
2.1	21	Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL		9.872.981.763	5.777.217.205
<i>a</i>	<i>21.1</i>	<i>Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>26</i>	<i>9.775.671.605</i>	<i>5.263.454.832</i>
<i>b</i>		<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>21.2</i>	<i>(91.958.053)</i>	<i>513.762.373</i>
<i>d</i>		<i>Lỗ do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành</i>		<i>189.268.211</i>	<i>-</i>
2.4	24	Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu	11(a)	17.390.111.654	6.324.369.569
2.6	26	Chi phí hoạt động tự doanh		3.174.982.903	2.279.450.833
2.7	27	Chi phí môi giới chứng khoán	29	168.864.542.818	188.884.670.152
2.10	30	Chi phí lưu ký chứng khoán		6.388.857.906	4.514.699.277
2.11	31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn		1.155.892.164	1.858.604.566
2.12	32	Chi phí khác	11(b)	(559.447.607)	1.137.651.844
	40	Tổng chi phí hoạt động		206.287.921.601	210.776.663.446

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B02 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND		
III		DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1		Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	39.327.917.136	57.236.901.439	
3.2		Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng	42	1.431.687.677	997.023.800	
		Tổng doanh thu hoạt động tài chính	50	40.759.604.813	58.233.925.239	
IV		CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1		Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51	84.859.712.000	126.592.566.799	
4.2		Chi phí lãi vay	52	30	149.125.757.455	87.384.149.853
		Tổng chi phí tài chính	60	233.985.469.455	213.976.716.652	
VI		CHI PHÍ QUẢN LÝ	62	31	103.166.761.773	96.158.826.067
VII		KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 – 40 – 60 – 62)	70		56.359.359.351	72.936.565.655
VIII		THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1		Thu nhập khác	71	468.124.194	806.933.548	
8.2		Chi phí khác	72	628.242.585	60.625.404	
		Kết quả hoạt động khác (80 = 71 – 72)	80		(160.118.391)	746.308.144
IX		TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		56.199.240.960	73.682.873.799
9.1		Lợi nhuận đã thực hiện	91	110.472.917.374	35.464.128.776	
9.2		(Lỗ)/Lợi nhuận chưa thực hiện	92	(54.273.676.414)	38.218.745.023	

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B02 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã	Thuyết	2023	2022
		số	minh	VND	VND
X	CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		11.648.447.958	13.703.672.240
10.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	32	14.535.289.259	17.129.325.656
10.2	Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	100.2	32	(2.886.841.301)	(3.425.653.416)
XI	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		44.550.793.002	59.979.201.559
XII	THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC	300		-	-
XIII	THU NHẬP TRÊN CỔ PHIẾU	500			
13.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	501	33	297	400

Ngày 4 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Bà Nguyễn Phương Trinh
Nhân viên Kế toán

Người soát xét:

Bà Đỗ Thị Ái Vy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Chen Chia Ken
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2023 VND	2022 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	56.199.240.960	73.682.873.799
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	214.689.026.513	52.377.239.979
Khấu hao và phân bổ	03	8.862.034.251	8.487.858.178
Các khoản dự phòng	04	16.981.711.965	7.650.025.023
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	57.165.000.000	(40.560.000.000)
Chi phí lãi	06	149.125.757.455	87.384.149.853
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	07	(590.909)	-
Dự thu tiền lãi	08	(17.444.886.249)	(10.584.793.075)
3 Thay đổi các chi phí phi tiền tệ	10	97.310.158	513.762.373
Tăng chênh lệch giảm từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	97.310.158	513.762.373
4 Thay đổi các doanh thu phi tiền tệ	18	(2.988.633.744)	1.827.492.604
(Tăng)/giảm chênh lệch tăng từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(2.988.633.744)	1.827.492.604
5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động			
(30 = 01 + 02 + 10 + 18)	30	267.996.943.887	128.401.368.755
(Tăng)/giảm TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	(80.838.781.811)	10.365.336.095
Giảm/(tăng) đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32	114.100.008.220	(168.090.246.576)
(Tăng)/giảm các khoản cho vay	33	(960.281.945.959)	1.546.456.245.375
Giảm các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	5.859.588.081	150.237.555.187
Giảm các khoản phải thu khác	39	219.918.215	96.497.669
Tăng các tài sản khác	40	(3.598.503.493)	(2.684.677.085)
Tăng/(giảm) chi phí phải trả	41	1.657.810.127	(11.099.522.031)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	42	3.499.290.900	(546.339.121)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	43	(14.534.752.098)	(19.239.475.429)
Tiền lãi đã trả	44	(146.371.092.469)	(86.660.493.478)
Giảm phải trả cho người bán	45	(5.773.580.594)	(1.986.291.289)
Tăng/(giảm) các khoản trích nộp phúc lợi	46	2.307.000	(4.216.050)
Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	(3.273.250.340)	(1.135.864.875)
Giảm phải trả người lao động	48	(6.146.000)	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả khác	50	199.425.944.169	(649.012.692.420)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(621.916.242.165)	895.097.184.727

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2023 VND	2022 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(7.402.907.918)	(10.323.714.256)
Tiền thu từ việc thanh lý tài sản cố định	62	590.909	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(7.402.317.009)	(10.323.714.256)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	9.392.294.124.101	11.877.850.193.200
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(9.292.439.124.101)	(12.259.270.193.200)
Trả cổ tức cho cổ đông	76	(37.592.696.400)	(64.248.495.240)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	62.262.303.600	(445.668.495.240)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	90	(567.056.255.574)	439.104.975.231
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	763.880.564.438	324.775.589.207
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 5)	103	196.824.308.864	763.880.564.438
▪ Tiền	103.1	91.373.936.013	55.080.564.438
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	105.450.372.851	708.800.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	2023 VND	2022 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	38.749.240.984.544	55.278.898.044.103
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(39.824.401.812.944)	(53.472.664.033.750)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	55.500.518.225.396	68.602.863.817.464
Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	07.1	71.213.172.507	179.309.741.391
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(54.217.612.309.741)	(70.398.012.296.993)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(2.063.062.040)	(1.820.656.232)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	276.895.197.722	188.574.615.983
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	486.676.329.967	298.101.713.984
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	486.676.329.967	298.101.713.984
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	32	486.676.329.967	298.101.713.984
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	763.571.527.689	486.676.329.967
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	763.571.527.689	486.676.329.967
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	42	763.571.527.689	486.676.329.967
		338.415.251.916	267.202.079.409

Ngày 4 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Bà Nguyễn Phương Trinh
 Nhân viên Kế toán

Người soát xét:



Bà Đỗ Thị Ái Vy
 Kế toán trưởng



Ông Chen Chia Ken
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B04 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm tại ngày		Biến động trong năm kết thúc ngày		Số dư cuối năm tại ngày	
	1/1/2022	1/1/2023	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2023
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND
Vốn cổ phần	1.400.000.000.000	1.500.098.190.000	100.098.190.000	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	(1.185.000)	(1.185.000)	-	-	-	-
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	12.064.998.139	12.064.998.139	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	12.064.998.139	12.064.998.139	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 25(b))	180.535.371.172	73.216.617.931	59.979.201.559	(167.297.954.800)	110.889.467.555	(84.275.542.214)
Trong đó:						
Lợi nhuận đã thực hiện	169.653.012.807	24.115.514.543	21.760.456.536	(167.297.954.800)	98.824.469.416	(30.001.865.800)
Hoàn nhập quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	-	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	10.882.358.365	49.101.103.388	38.218.745.023	-	-	(54.273.676.414)
Tổng cộng	1.604.664.182.450	1.597.443.619.209	160.077.391.559	(167.297.954.800)	110.889.467.555	(96.340.540.353)
					1.597.443.619.209	1.611.992.546.411

Ngày 4 tháng 3 năm 2024

Người lập:


 Bà Nguyễn Phương Trinh
 Nhân viên Kế toán

Người soát xét:


 Bà Đỗ Thị Ái Vy
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 110/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 11 năm 2022 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“PHS”) – được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GPHĐKD ngày 1 tháng 12 năm 2006 và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (“ATS”). Theo đó, Công ty kế thừa toàn bộ tài sản, nợ phải trả, các quyền lợi và nghĩa vụ của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 và PHS và ATS chấm dứt hoạt động từ ngày 20 tháng 1 năm 2016. Tài sản và nợ phải trả của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 được chuyển sang cho Công ty theo giá trị ghi sổ và giá trị tài sản ròng (tổng tài sản – tổng nợ phải trả) của PHS và ATS tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 cấu thành vốn điều lệ của Công ty.

Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) với mã PHS theo Quyết định số 475/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 19 tháng 7 năm 2019.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 1.500.098.190.000 VND (31/12/2022: 1.500.098.190.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, cho vay ký quỹ, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(d) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 382 nhân viên (31/12/2022: 356 nhân viên).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được trình bày ở Thuyết minh 3(d), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay: xem Thuyết minh 3(f);

Ngoại trừ phải trả chứng quyền đảm bảo được ghi nhận FVTPV như thuyết minh 3(h), Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cản trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cản trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cản trừ các khoản mục và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là một công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên UPCOM, giá thị trường là giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với Công ty. Trong trường hợp không có giá giao dịch trong khoảng thời gian này, Công ty không trích lập dự phòng.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn bao gồm các công cụ phái sinh phải được thanh toán kèm theo các công cụ vốn đó được phản ánh theo giá gốc trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy.

(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(f) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các khoản cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập bằng cách tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(h) Chứng quyền có đảm bảo

Chứng quyền có bảo đảm cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có đảm bảo theo hướng dẫn của Thông tư số 23/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2018, cụ thể như sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, Công ty ghi nhận khoản phải trả chứng quyền theo giá gốc và đồng thời theo dõi ngoại bảng số lượng chứng quyền được phép phát hành.

Chứng quyền đảm bảo được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được ghi nhận theo giá trị hợp lý sau ngày ghi nhận ban đầu.

Chi phí phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính trong kỳ khi phát sinh.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nâng cấp tài sản thuê	5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 4 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	5 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ và là các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được PHS, ATS và Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) **Vốn cổ phần**

(i) **Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) **Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) **Các quỹ dự trữ bắt buộc**

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc hoàn nhập số dư quỹ dự phòng tài chính vào lợi nhuận chưa phân phối. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(q) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (“VSD”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và mệnh giá của công cụ nợ khi đáo hạn.

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(iv) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(v) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(r) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 334 do Bộ Tài Chính ban hành mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

4. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	196.820.272.609	763.877.428.183
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (i)	654.213.238.356	768.313.246.576
Các khoản cho vay – gộp (ii)	2.951.919.275.244	1.991.637.329.285
Các khoản phải thu (ii)	74.788.081.049	57.343.194.800
Phải thu các dịch vụ cung cấp (ii)	3.964.076.031	9.823.664.112
Các khoản phải thu khác (ii)	12.786.514.140	13.006.432.355
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán	16.964.116.068	14.464.116.068
Tiền gửi có kỳ hạn - dài hạn	5.637.869.733	4.624.178.350
Tài sản dài hạn khác	10.059.454.943	10.039.238.233
	<hr/>	<hr/>
	3.927.152.898.173	3.633.128.827.962
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Khách hàng có nghĩa vụ đảm bảo tỷ lệ ký quỹ của họ không thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì. Trường hợp tỷ lệ ký quỹ của khách hàng giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì, Công ty yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản đảm bảo trong thời hạn quy định, nếu khách hàng không bổ sung tài sản đảm bảo, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của hợp đồng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán từ 3 năm trở lên	11.174.224.109	11.441.401.806
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn trên 3 năm	4.443.207.793	3.924.199.169
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 2 đến 3 năm	-	862.826.748
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 1 đến 2 năm	48.291.197.147	-
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn dưới 1 năm	-	48.291.197.147
	63.908.629.049	64.519.624.870

Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính bị tổn thất:

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tại	4.280.532.790	3.988.262.880
▪ <i>Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh</i>	966.990	5.253.080
▪ <i>Sàn UPCOM</i>	4.279.565.800	3.983.009.800
TSTC phong tỏa, tạm giữ	22.182.897.800	39.916.827.578
	26.463.430.590	43.905.090.458

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị tổn thất như sau:

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán quá hạn từ 3 năm trở lên	921.228.900	732.072.435
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn dưới 1 năm	-	770.013.968
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 1-2 năm	770.013.968	-

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	1.990.040.000.000	2.046.606.490.335	2.046.606.490.335
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	389.121.316.960	389.121.316.960	389.121.316.960
Phải trả người bán	66.259.697	66.259.697	66.259.697
Chi phí phải trả	12.125.926.733	12.125.926.733	12.125.926.733
Các khoản phải trả khác	11.720.335.629	11.720.335.629	11.720.335.629
	2.403.073.839.019	2.459.640.329.354	2.459.640.329.354

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	1.833.020.000.000	1.874.732.368.176	1.874.732.368.176
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	199.342.817.216	199.342.817.216	199.342.817.216
Phải trả người bán	431.709.828	431.709.828	431.709.828
Chi phí phải trả	8.184.877.050	8.184.877.050	8.184.877.050
Các khoản phải trả khác	9.474.453.593	9.474.453.593	9.474.453.593
	2.050.453.857.687	2.092.166.225.863	2.092.166.225.863

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2023		31/12/2022	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Vay ngắn hạn	66.000.000	1.613.040.000.000	73.000.000	1.733.020.000.000

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2023	31/12/2022
USD/VND	24.440	23.740

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
USD (mạnh hơn 3% so với VND) – giảm lợi nhuận sau thuế	38.712.960.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
USD (mạnh hơn 4% so với VND) – giảm lợi nhuận sau thuế	55.456.640.000

Biến động ngược lại của tỷ giá USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	196.820.272.609	763.877.428.183
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	654.213.238.356	768.313.246.576
Các khoản cho vay thuần	2.921.367.768.104	1.978.475.933.799
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	16.964.116.068	14.464.116.068
Tài sản dài hạn khác	10.059.454.943	10.039.238.233
Vay ngắn hạn	(1.990.040.000.000)	(1.833.020.000.000)

(iii) Rủi ro thị trường khác

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là không đáng kể vì Công ty nắm giữ danh mục TSTC ghi nhận theo FVTPL không trọng yếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính như sau:

	31/12/2023	31/12/2022
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>		
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL	39.528.199.108	6.304.703.558
• <i>Có phiếu niêm yết</i>	27.689.899	395.505.500
• <i>Có phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM</i>	15.046.527	14.900.007
• <i>Có phiếu chưa niêm yết</i>	51.063.547.139	-
▪ Chứng chỉ quỹ	654.213.238.356	768.313.246.576
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>		
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	196.824.308.864	763.880.564.438
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	2.921.367.768.104	1.978.475.933.799
▪ Các khoản cho vay - thuần	74.788.081.049	57.343.194.800
▪ Các khoản phải thu	3.964.076.031	9.823.664.112
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	5.892.822.821	5.553.293.429
▪ Các khoản phải thu khác - thuần	16.964.116.068	14.464.116.068
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	10.059.454.943	10.039.238.233
▪ Tài sản dài hạn khác	(*)	(*)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2023	31/12/2022
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo FVTPL:</i>		
Phải trả chứng quyền	(6.479.570.000)	(6.479.570.000)
Nợ phải trả tài chính		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>		
▪ Vay ngắn hạn	(1.990.040.000.000)	(1.833.020.000.000)
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(389.121.316.960)	(199.342.817.216)
▪ Phải trả người bán	(66.259.697)	(431.709.828)
▪ Chi phí phải trả	(12.125.926.733)	(8.184.877.050)
▪ Phải trả khác	(11.720.335.629)	(9.474.453.593)
	-	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kê toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Tiền mặt	4.036.255	3.136.255
Tiền gửi ngân hàng	91.369.899.758	55.077.428.183
Các khoản tương đương tiền (i)	105.450.372.851	708.800.000.000
	196.824.308.864	763.880.564.438

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 1,8% đến 3,8% (31/12/2022: từ 5,0% đến 6,0%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền và các khoản tương đương tiền có giá trị ghi sổ là 105.450.372.851 VND được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2022: 91.000.000.000 VND) (Thuyết minh 20).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2023		2022	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Của Công ty				
Cổ phiếu	11.318.382	331.662.575.670	2.753.544	142.311.582.746
Trái phiếu	-	-	11.382.564	1.154.627.879.404
Chứng khoán khác	36.467.249	141.520.479.530	-	-
b) Của nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	4.283.789.996	83.402.646.328.420	4.180.501.483	115.920.499.518.256
Trái phiếu	16.030.756	1.717.217.393.028	11.840.000	1.208.643.990.000
Chứng khoán khác	47.787.498	83.383.341.310	31.782.340	49.545.054.710
	4.395.393.881	85.676.430.117.958	4.238.259.931	118.475.628.025.116

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

7. Tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	38.225.051.062	39.528.199.108	7.002.606.666	6.304.703.558
Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM	27.689.899	27.689.899	411.499.004	395.505.500
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.046.527	15.046.527	14.900.007	14.900.007
Chứng chỉ quỹ	50.000.000.000	51.063.547.139	-	-
	88.267.787.488	90.634.482.673	7.429.005.677	6.715.109.065

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Giá trị hợp lý của TSTC ghi nhận theo FVTPL tại ngày báo cáo như sau:

	Số lượng	31/12/2023		Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)
		Giá gốc VND (1)	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2023				
Cổ phiếu niêm yết							
HPG	921.000	24.596.477,091	25.741.950.000	1.145.472.909	-	25.741.950.000	
DHG	17.600	1.913.697,686	1.830.400.000	3.935.692	87.233.378	1.830.400.000	
VNM	25.020	1.792.863,244	1.691.352.000	-	101.511.244	1.691.352.000	
Các cổ phiếu khác	256.813	9.922.013,041	10.264.497.108	832.376.712	489.892.645	10.264.497.108	
	1.220.433	38.225.051.062	39.528.199.108	1.981.785.313	678.637.267	39.528.199.108	
UPCOM							
Các cổ phiếu khác	728	27.689.899	27.689.899	-	-	27.689.899	
Cổ phiếu chưa niêm yết							
Các cổ phiếu khác	1.086	15.046.527	15.046.527	-	-	15.046.527	
Chứng chỉ quỹ							
PHVSF	4.821.109	50.000.000.000	51.063.547.139	1.063.547.139	-	51.063.547.139	
	6.043.356	88.267.787.488	90.634.482.673	3.045.332.452	678.637.267	90.634.482.673	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 34/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Số lượng	31/12/2022		Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2022		Giá trị đánh giá lại VND
	Giá gốc VND	(1)		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết						
BVH	22.753	1.165.751.609	1.060.289.800	-	105.461.809	1.060.289.800
FPT	13.453	1.042.382.403	1.034.535.700	345.241	8.191.944	1.034.535.700
SAB	4.320	757.425.917	721.008.000	-	36.417.917	721.008.000
VNM	9.288	700.618.373	706.816.800	6.563.759	365.332	706.816.800
GAS	5.240	558.255.913	531.860.000	127.138	26.523.051	531.860.000
BMP	6.612	395.393.294	396.720.000	1.326.706	-	396.720.000
PNJ	3.472	373.050.384	312.132.800	745.049	61.662.633	312.132.800
DHG	3.755	322.563.150	318.799.500	450.000	4.213.650	318.799.500
VJC	1.415	169.918.774	154.942.500	-	14.976.274	154.942.500
SSI	5.051	167.466.279	89.402.700	-	78.063.579	89.402.700
SHB	3.782	72.149.310	37.630.900	-	34.518.410	37.630.900
MSB	4.141	67.396.518	51.762.500	-	15.634.018	51.762.500
Các cổ phiếu khác	47.309	1.210.234.742	888.802.358	46.653.039	368.085.423	888.802.358
	130.591	7.002.606.666	6.304.703.558	56.210.932	754.114.040	6.304.703.558
UPCOM						
ACV	4.600	397.386.094	389.160.000	-	8.226.094	389.160.000
Các cổ phiếu khác	755	14.112.910	6.345.500	487.776	8.255.186	6.345.500
	5.355	411.499.004	395.505.500	487.776	16.481.280	395.505.500

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Số lượng	31/12/2022		Chênh lệch tăng		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2022		Giá trị đánh giá lại VND
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch đánh giá lại VND	Chênh lệch đánh giá lại VND	
	(1)	(2)	(3) = (2) – (1)	(4) = (1) – (2)	(5) = (1) + (3) – (4)		
Cổ phiếu chưa niêm yết							
TAC	137	6.403.885	-	-	-	6.403.885	
ROS	572	3.575.700	-	-	-	3.575.700	
Các cổ phiếu khác	369	4.920.422	-	-	-	4.920.422	
	1.078	14.900.007	-	-	-	14.900.007	
	137.024	7.429.005.677	56.698.708	770.595.320		6.715.109.065	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản tài chính (tiếp theo)****(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm (i)	654.213.238.356	(*)	768.313.246.576	(*)

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn là 564.213.238.356 VND được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2022: 718.313.246.576 VND) (Thuyết minh 20).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, lãi suất tiền gửi có kỳ hạn dao động từ 2,5% đến 8,7%/năm (31/12/2022: từ 4,0% đến 10,5%/năm).

(c) Các khoản cho vay

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	2.890.043.967.369	(*)	1.961.759.634.420	(*)
Tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán (ii)	61.875.307.875	(*)	29.877.694.865	(*)
	2.951.919.275.244		1.991.637.329.285	

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc là 90 ngày và hưởng lãi suất năm từ 10,0% đến 13,5% (31/12/2022: từ 10,5% đến 14,5%). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu dao động từ 50% đến 90% (31/12/2022: từ 50% đến 90%) và tỷ lệ ký quỹ duy trì dao động từ 30% đến 70% (31/12/2022: từ 30% đến 70%).

- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán được hưởng lãi suất năm dao động từ 10,5% đến 13,5% (31/12/2022: từ 11,5% đến 14,5%).

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

8. Các khoản phải thu

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Lãi dự thu từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	50.865.657.812	38.674.541.319
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	22.028.335.567	18.610.954.851
Lãi dự thu từ chứng chỉ tiền gửi	1.894.087.670	57.698.630
	<hr/>	<hr/>
	74.788.081.049	57.343.194.800
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

9. Phải thu các dịch vụ cung cấp

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Phải thu từ hoạt động thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán	1.461.969.950	7.818.970.000
Phải thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán	1.770.230.617	1.195.186.990
Phải thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	491.051.396	188.065.523
Phải thu khác	240.824.068	621.441.599
	<hr/>	<hr/>
	3.964.076.031	9.823.664.112
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

10. Các khoản phải thu khác

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán	12.095.453.009	12.173.474.241
Phải thu khác	691.061.131	832.958.114
	<hr/>	<hr/>
	12.786.514.140	13.006.432.355
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

11. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và phải thu khó đòi

(a) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 31/12/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thu hồi VND	Dự phòng VND	Dự phòng trích lập trong năm VND
2023						
Cho vay giao dịch ký quỹ	52.734.404.940	22.182.897.800	30.551.507.140	13.161.395.486	17.390.111.654	
2022						
Cho vay giao dịch ký quỹ	53.078.223.064	39.916.827.578	13.161.395.486	6.837.025.917	6.324.369.569	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

11. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và phải thu khó đòi (tiếp theo)

(b) Dự phòng phải thu khó đòi

	Tại ngày 31/12/2023		Dự phòng tại ngày 31/12/2022 VND	Dự phòng trích lập trong năm VND
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		
2023	11.174.224.109	4.280.532.790	6.893.691.319	7.453.138.926 (559.447.607)
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán				
2022				
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Dự phòng hoàn nhập trong năm VND
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.441.401.806	3.988.262.880	7.453.138.926	6.315.487.082 1.137.651.844

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Bảo trì phần mềm	725.350.312	520.069.553
Chi phí thuê trả trước	519.961.414	397.739.634
Các chi phí khác	3.251.991.743	2.131.427.625
	<hr/>	<hr/>
	4.497.303.469	3.049.236.812
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	5.382.643.332	5.107.800.698
Phần mềm	2.657.600.356	3.084.781.893
Thiết bị công nghệ thông tin	1.304.324.849	1.241.152.015
Nâng cấp văn phòng	8.593.137.409	6.771.407.807
Các chi phí khác	350.083.414	580.079.320
	<hr/>	<hr/>
	18.287.789.360	16.785.221.733
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	16.785.221.733	13.006.695.427
Tăng trong năm	7.886.872.588	6.614.398.564
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.118.797.232	6.547.406.933
Phân bổ trong năm	(11.503.102.193)	(9.383.279.191)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	18.287.789.360	16.785.221.733
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản cố định hữu hình

2023

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	601.182.219	42.761.030.634	2.265.440.000	453.522.969	46.081.175.822
Tăng trong năm	-	1.323.886.190	-	51.805.440	1.375.691.630
Chuyển qua từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	390.660.160	390.660.160
Thanh lý	-	(618.126.248)	-	-	(618.126.248)
Số dư cuối năm	601.182.219	43.466.790.576	2.265.440.000	895.988.569	47.229.401.364
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	601.182.219	25.517.197.597	1.985.556.935	140.855.117	28.244.791.868
Khấu hao trong năm	-	5.365.539.264	279.883.065	152.288.350	5.797.710.679
Thanh lý	-	(618.126.248)	-	-	(618.126.248)
Số dư cuối năm	601.182.219	30.264.610.613	2.265.440.000	293.143.467	33.424.376.299
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	17.243.833.037	279.883.065	312.667.852	17.836.383.954
Số dư cuối năm	-	13.202.179.963	-	602.845.102	13.805.025.065

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)****2022**

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.347.351.678	39.688.270.879	2.265.440.000	327.405.769	43.628.468.326
Tăng trong năm	-	5.852.395.200	-	-	5.852.395.200
Chuyển qua từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	126.117.200	126.117.200
Thanh lý	(746.169.459)	(2.779.635.445)	-	-	(3.525.804.904)
Số dư cuối năm	601.182.219	42.761.030.634	2.265.440.000	453.522.969	46.081.175.822
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.347.351.678	23.508.117.474	1.439.310.078	53.155.408	26.347.934.638
Khấu hao trong năm	-	4.788.715.568	546.246.857	87.699.709	5.422.662.134
Thanh lý	(746.169.459)	(2.779.635.445)	-	-	(3.525.804.904)
Số dư cuối năm	601.182.219	25.517.197.597	1.985.556.935	140.855.117	28.244.791.868
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	16.180.153.405	826.129.922	274.250.361	17.280.533.688
Số dư cuối năm	-	17.243.833.037	279.883.065	312.667.852	17.836.383.954

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 16.813.082.725 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (31/12/2022: 15.389.708.973 VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định vô hình**

	2023 Phần mềm máy vi tính VND	2022 Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm và cuối năm	25.271.616.400	22.433.666.400
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	480.000.000	-
Tăng trong năm	340.000.000	2.837.950.000
	26.091.616.400	25.271.616.400
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	13.087.003.384	10.021.807.340
Khấu hao trong năm	3.064.323.572	3.065.196.044
	16.151.326.956	13.087.003.384
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	12.184.613.016	12.411.859.060
Số dư cuối năm	9.940.289.444	12.184.613.016

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 8.596.466.400 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (31/12/2022: 8.161.659.400 VND).

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Số dư đầu năm	1.633.369.056	3.461.452.486
Tăng trong năm	5.687.216.288	5.097.789.503
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(390.660.160)	(126.117.200)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(5.118.797.232)	(6.547.406.933)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.331.127.952)	(252.348.800)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(480.000.000)	-
	-	1.633.369.056

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

16. Ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và xe hơi	5.637.869.733	4.624.178.350

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2023	31/12/2022
		VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Chi phí trích trước	20%	426.212.472	396.002.889
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính	20%	6.600.398.133	3.165.501.699
Chênh lệch giảm đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL	20%	37.853.642	142.779.322
		7.064.464.247	3.704.283.910
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL	20%	(473.339.036)	-
		6.591.125.211	3.704.283.910
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại – thuần		6.591.125.211	3.704.283.910

18. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	14.464.116.068	11.964.116.068
Tiền nộp thêm trong năm	1.884.661.158	1.809.659.347
Tiền lãi nhận được trong năm	615.338.842	690.340.653
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	16.964.116.068	14.464.116.068

19. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Quỹ bù trừ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh	10.059.454.943	10.039.238.233

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ban hành về Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh (“Quỹ bù trừ”) bằng tiền hoặc chứng khoán. Mức đóng góp ban đầu tối thiểu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung.

Công ty đã trở thành thành viên bù trừ trực tiếp của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận Thành viên bù trừ số 04/GCN-UBCK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 16 tháng 6 năm 2020.

Biến động tiền gửi tại Quỹ bù trừ trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	10.039.238.233	10.000.000.000
Tiền lãi nhận được trong năm	20.216.710	39.238.233
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	10.059.454.943	10.039.238.233

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

20. Vay ngắn hạn

Diễn giải	Nguyên tệ	Lãi suất định kỳ %	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2023 VND	Số vay trong năm VND	(Số trả trong năm) VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái tại ngày 31/12/2023 VND	Số dư cuối năm VND
▪ Ngân hàng trong nước	VND	2,8% - 10,0%	100.000.000.000	6.471.754.124.101	(6.194.754.124.101)	-	377.000.000.000
▪ Ngân hàng nước ngoài	USD	5,5% - 7,7%	1.733.020.000.000	2.920.540.000.000	(3.097.685.000.000)	57.165.000.000	1.613.040.000.000
			1.833.020.000.000	9.392.294.124.101	(9.292.439.124.101)	57.165.000.000	1.990.040.000.000

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản vay này được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền là 105.450.372.851 VND (31/12/2022: 91.000.000.000 VND) (Thuyết minh 5) và các khoản tiền gửi có kỳ hạn là 564.213.238.356 VND (31/12/2022: 718.313.246.576 VND) (Thuyết minh 7(b)).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

21. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	294.490.534.600	115.820.407.530
Thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán	78.743.108.360	83.522.322.140
Phải trả thực hiện quyền mua chứng khoán (*)	6.479.570.000	-
Phải trả khác	9.408.104.000	87.546
	<hr/>	<hr/>
	389.121.316.960	199.342.817.216
	<hr/>	<hr/>

(*) Tại ngày 31/12/2023 và 31/12/2022, số lượng chứng quyền có đảm bảo mà Công ty phát hành như sau:

	31/12/2023		31/12/2022	
	Được phép phát hành	Đang lưu hành	Được phép phát hành	Đang lưu hành
CHPG2314	3.000.000	1.934.200	-	-
	<hr/>		<hr/>	

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu năm	Số phải nộp	Số khấu trừ/	Số dư cuối năm
	tại ngày	trong năm	số đã nộp	tại ngày
	1/1/2023	trong năm	trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.875.701.514	14.535.289.259	(14.534.752.098)	3.876.238.675
Thuế thu nhập cá nhân	10.232.466.822	97.203.493.389	(100.313.734.387)	7.122.225.824
Thuế giá trị gia tăng	20.445.759	112.809.097	(117.426.323)	15.828.533
Thuế nhà thầu nước ngoài	1.126.398.046	12.485.057.726	(12.643.449.842)	968.005.930
	<hr/>		<hr/>	
	15.255.012.141	124.007.245.731	(127.279.958.910)	11.982.298.962
	<hr/>		<hr/>	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.985.851.287	17.129.325.656	(19.239.475.429)	3.875.701.514
Thuế thu nhập cá nhân	12.483.094.449	105.327.038.462	(107.577.666.089)	10.232.466.822
Thuế giá trị gia tăng	3.727.273	230.465.287	(213.746.801)	20.445.759
Thuế nhà thầu nước ngoài	28.353.780	7.343.112.372	(6.245.068.106)	1.126.398.046
	18.501.026.789	130.029.941.777	(133.275.956.425)	15.255.012.141

23. Chi phí phải trả

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chi phí cho nhân viên	11.185.869.371	10.714.443.941
Chi phí giao dịch chứng khoán	3.240.189.252	3.685.244.296
Chi phí lãi	5.820.169.366	3.065.504.380
Phí tư vấn	92.803.065	143.548.420
Các chi phí khác	2.972.765.050	1.290.579.954
	23.311.796.104	18.899.320.991

24. Các khoản phải trả khác

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả cổ tức	1.823.928.393	9.414.758.993
Các khoản phải trả cho khách hàng	9.884.000.000	21.174.000
Các khoản phải trả khác	12.407.236	38.520.600
	11.720.335.629	9.474.453.593

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và phát hành của Công ty là:

	31/12/2023		31/12/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	150.009.819	1.500.098.190.000	150.009.819	1.500.098.190.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	150.009.819	1.500.098.190.000	150.009.819	1.500.098.190.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(490)	(1.185.000)	(490)	(1.185.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	150.009.329	1.500.097.005.000	150.009.329	1.500.097.005.000

Biến động vốn cổ phần đã phát hành trong năm như sau:

	2023		2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	150.009.819	1.500.098.190.000	140.000.000	1.400.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	10.009.819	100.098.190.000
Số dư cuối năm	150.009.819	1.500.098.190.000	150.009.819	1.500.098.190.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

26. Lãi/(lỗ) từ bán tài sản tài chính tại FVTPL

2023	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Giá vốn VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đang ký giao dịch trên UPCOM					
STB	2.474.626	28.355	70.168.706.700	73.361.309.866	(3.192.603.166)
HPG	1.841.327	26.461	48.723.664.300	48.213.453.160	510.211.140
SAB	38.920	97.973	3.813.120.000	4.352.695.917	(539.575.917)
FPT	34.653	82.812	2.869.696.800	2.719.242.403	150.454.397
GAS	24.040	102.373	2.461.045.100	2.415.555.913	45.489.187
MBB	105.673	19.631	2.074.443.650	1.937.748.694	136.694.956
BVH	46.953	41.717	1.958.736.500	2.310.531.609	(351.795.109)
HCM	55.545	29.866	1.658.905.400	1.509.753.851	149.151.549
KDH	50.789	31.492	1.599.422.400	1.600.247.965	(825.565)
VCG	57.600	24.860	1.431.955.000	1.196.833.681	235.121.319
Khác	406.196	29.737	12.078.963.350	12.370.400.130	(291.436.780)
	5.136.322	28.978	148.838.659.200	151.987.773.189	(3.149.113.989)
Chứng quyền					
CHPG2303	1.781.200	2.524	4.495.860.000	4.867.811.000	(371.951.000)
CHPG2314	7.592.600	3.546	26.922.017.211	26.779.793.000	142.224.211
CSTB2311	6.466.600	2.158	13.954.862.000	9.334.663.500	4.620.198.500
	15.840.400	2.864	45.372.739.211	40.982.267.500	4.390.471.711
	20.976.722	9.258	194.211.398.411	192.970.040.689	1.241.357.722

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

2022	Số lượng VND	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Giá vốn VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đang ký giao dịch trên UPCOM					
GAS	55.800	110.645	6.173.990.000	6.023.568.487	150.421.513
PNJ	47.900	110.279	5.282.380.000	5.127.181.638	155.198.362
BVH	90.600	56.374	5.107.465.000	5.056.712.731	50.752.269
FPT	58.000	87.727	5.088.160.000	4.856.955.764	231.204.236
SAB	25.800	178.060	4.593.950.000	4.362.126.983	231.823.017
MBB	133.500	25.644	3.423.525.000	3.688.576.566	(265.051.566)
HPG	98.200	31.434	3.086.865.000	3.763.413.663	(676.548.663)
PLX	56.500	45.940	2.595.625.000	2.844.492.400	(248.867.400)
SSI	81.300	29.769	2.420.250.000	2.673.571.892	(253.321.892)
VHM	29.492	75.316	2.221.207.600	2.352.901.318	(131.693.718)
Khác	845.046	41.299	34.899.278.200	36.488.154.729	(1.588.876.529)
	1.522.138	49.202	74.892.695.800	77.237.656.171	(2.344.960.371)
Trái phiếu niêm yết					
VHM121024	2.741.282	100.742	276.161.743.802	275.890.585.602	271.158.200
MSN12003	1.450.000	103.451	150.003.250.000	149.928.300.000	74.950.000
MML121021	1.000.000	100.560	100.560.000.000	100.455.000.000	105.000.000
MSN12001	500.000	101.679	50.839.500.000	50.789.500.000	50.000.000
	5.691.282	101.482	577.564.493.802	577.063.385.602	501.108.200
	7.213.420	90.450	652.457.189.602	654.301.041.773	(1.843.852.171)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

27. Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	2023 VND	2022 VND
Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	73.112.766.792	49.989.155.905

28. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	302.772.368.474	276.486.591.233
Thu nhập tiền lãi từ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán	11.502.269.856	13.404.219.909
	314.274.638.330	289.890.811.142

29. Chi phí môi giới chứng khoán

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lương cho nhân viên	51.644.510.393	49.761.741.333
Hoa hồng cho nhân viên môi giới	54.464.670.720	77.192.408.667
Phí môi giới chứng khoán	30.942.476.059	37.677.570.703
Chi phí thuê	14.228.900.027	10.942.236.853
Chi phí công cụ và dụng cụ	3.752.495.471	1.987.945.676
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	428.675.381	193.922.085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.937.337.266	8.813.883.467
Chi phí khác	2.465.477.501	2.314.961.368
	168.864.542.818	188.884.670.152

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

30. Chi phí lãi

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	148.176.944.209	86.764.840.628
Chi phí lãi cho tiền gửi của khách hàng cho các giao dịch chứng khoán	948.813.246	619.309.225
	<hr/>	<hr/>
	149.125.757.455	87.384.149.853
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí quản lý

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lương cho nhân viên	43.867.319.220	38.622.220.009
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	8.433.358.870	8.293.524.391
Chi phí thuê	7.524.266.211	7.039.940.071
Chi phí công cụ và dụng cụ	7.473.503.813	6.021.887.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.516.121.263	31.007.353.723
Chi phí khác	4.352.192.396	5.173.900.412
	<hr/>	<hr/>
	103.166.761.773	96.158.826.067
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	14.468.237.096	17.129.325.656
Dự phòng thiếu trong những năm trước	67.052.163	-
	<hr/> 14.535.289.259	<hr/> 17.129.325.656
Lợi ích thuế hoãn lại		
(Hoàn nhập)/phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(2.886.841.301)	(3.425.653.416)
	<hr/> 11.648.447.958	<hr/> 13.703.672.240

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	56.199.240.960	73.682.873.799
	<hr/> 11.239.848.192	<hr/> 14.736.574.760
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	11.239.848.192	14.736.574.760
Chi phí không được khấu trừ thuế	406.085.919	298.495.158
Thu nhập không bị tính thuế	(64.538.316)	(68.300.262)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	67.052.163	-
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận	-	(1.263.097.416)
	<hr/> 11.648.447.958	<hr/> 13.703.672.240

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	44.550.793.002	59.979.201.559

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2023 VND	2022 VND
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	150.009.329	140.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ Công ty nắm giữ	-	(490)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức trong năm	-	10.009.819
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	150.009.329	150.009.329

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2023 VND	2022 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	297	400

Công ty không có bất kỳ cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong năm. Theo đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu không được trình bày.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu số B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***34. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Cổ đông		
Phu Hung Far East Holding Corporation		
Cổ tức bằng tiền	13.800.920.000	30.912.000.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	46.046.000.000
New Beam International Inc		
Cổ tức bằng tiền	5.235.349.000	11.726.400.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	17.467.450.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	85.755.017	82.516.551
An Thịnh Development Limited		
Cổ tức bằng tiền	11.305.394.400	5.373.441.150
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	11.642.450.000
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái		
Cổ tức bằng tiền	1.494.683.000	3.347.867.040
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	4.986.920.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	24.482.909	23.558.333
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng		
Cổ tức bằng tiền	627.369.400	1.405.213.920
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	1.342.430.000
Phí bảo hiểm	84.466.880	107.003.951
Phí quản lý số cổ đông	27.272.727	27.272.727
Doanh thu lưu ký chứng khoán	10.329.580	5.172.045
Freshfields Capital Corporation		
Cổ tức bằng tiền	258.097.200	3.265.920.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	-	4.864.860.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	4.227.632	18.364.686
Phí giao dịch	-	180.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng		
Phí dịch vụ	3.581.516.129	5.728.064.516
Phí giao dịch	303.379	3.079.980
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng		
Doanh thu dịch vụ lưu ký	4.297.858	4.419.355
Doanh thu quản lý số cổ đông	45.454.545	45.454.545

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo)

	Số dư tại ngày	
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Cổ đông		
An Thinh Development Limited		
Cổ tức bằng tiền phải trả	-	7.815.914.400
Phải thu phí lưu ký chứng khoán	3.087.017	3.087.017
New Beam International Inc		
Phải thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	10.178.971	-
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái		
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán	52.336.500	81,942,054
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng		
Phải thu phí lưu ký chứng khoán	822.961	1.889.199
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng		
Phải thu phí lưu ký chứng khoán	151.573	-
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán	6.567.365	8.030.362
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng		
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.250	-
Freshfields Capital Corporation		
Phải thu phí lưu ký chứng khoán	336.817	816.659

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

34. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo)

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	2023	2022
	VND	VND
Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	1.851.993.356	1.748.486.687
Người quản lý khác		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.555.327.684	2.081.920.767
Thành viên Ban kiểm soát		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	720.000.000	720.000.000
Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Albert Kwang-Chin Ting – Chủ tịch	-	240.000.000
Ông Nguyễn Đoan Hùng – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Wu, Jin-Jeng – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Chen Chia Ken – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Bà Liu, Hsiu-Mei – Thành viên	240.000.000	240.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

35. Báo cáo bộ phận

(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, kinh doanh nguồn vốn và các bộ phận khác.

		Mã số	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Tổng VND
2023							
1.	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	01	151.313.807.371	14.328.354.651	428.179.369.166	5.977.980.992	599.799.512.180
2.	Chi phí trực tiếp	02	168.435.867.437	12.901.825.970	328.718.872.358	7.544.995.590	517.601.561.355
3.	Chi phí khấu hao và phân bổ	03	428.675.381	-	8.433.358.870	-	8.862.034.251
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư	04	-	145.893.176	-	-	145.893.176
5.	Dự phòng phải thu khó đòi	05	-	-	16.830.664.047	-	16.830.664.047
6.	Thu nhập khác – thuần	06	-	-	-	468.124.194	468.124.194
7.	Chi phí khác	07	-	-	-	628.242.585	628.242.585
08	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (08 = 01 + 06 – 02 – 03 – 04 – 05 – 07)		(17.550.735.447)	1.280.635.505	74.196.473.891	(1.727.132.989)	56.199.240.960

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tài sản bộ phận

Nợ phải trả bộ phận

55.628.313.088	90.734.283.749	3.892.105.544.586	2.270.228.475	4.040.738.369.898
383.915.984.686	325.900.048	2.026.951.537.636	17.552.401.117	2.428.745.823.487

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

35. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Mã số	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Tổng VND
2022					
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	188.890.505.249	1.933.611.365	398.346.924.131	4.677.731.075	593.848.771.820
2. Chi phí trực tiếp	173.739.456.698	8.154.635.975	310.684.808.617	12.444.050.688	505.022.951.978
3. Chi phí khấu hao và phân bổ	170.776.417	411.702	8.316.670.059	-	8.487.858.178
4. Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	7.462.021.413	-	7.462.021.413
5. Thu nhập khác – thuần	-	-	-	806.933.548	806.933.548
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (06 = 01 + 05 – 02 – 03 – 04)	14.980.272.134	(6.221.436.312)	71.883.424.042	(6.959.386.065)	73.682.873.799

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tài sản bộ phận	42.832.382.223	7.214.990.990	3.624.740.543.554	1.435.623.428	3.676.223.540.195
Nợ phải trả bộ phận	217.676.777.763	436.878.653	1.859.850.287.261	815.977.309	2.078.779.920.986

(ii) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam (tức là một bộ phận đơn lẻ).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

36. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Trong vòng một năm	26.763.954.317	19.341.504.234
Từ hai đến năm năm	38.159.173.523	39.914.574.630
	<hr/>	<hr/>
	64.923.127.840	59.256.078.864

Ngày 4 tháng 3 năm 2024

Người lập:	Người soát xét:	Người duyệt:
		
Bà Nguyễn Phương Trinh <i>Nhân viên Kế toán</i>	Bà Đỗ Thị Ái Vy <i>Kế toán trưởng</i>	Ông Chen Chia Ken <i>Tổng Giám đốc</i>








BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

 Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, số 08 Hoàng Văn Thái, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

 www.phs.vn

 (+84 28) 5413 5479

 Fanpage: PhuHungSecuritiesCorporation